

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 27. Luận giải về bốn phạm đối với thầy tế độ và các vị trưởng thượng

27. Upajjhāyādivattavinicchaya-kathā

27. Lời phân tích về các phạm sự đối với thầy tế độ V.V...

183. Vattanti ettha pana vattaṃ nāmetaṃ upajjhāyavattaṃ ācariyavattaṃ āgantukavattaṃ āvāsikavattaṃ gamikavattaṃ bhattaggavattaṃ piṇḍacārikavattaṃ āraññikavattaṃ senāsanavattaṃ jantāgharavattaṃ vaccakuṭivattanti bahuviddhaṃ. Tattha **upajjhāyavattaṃ** tāva evaṃ veditabbaṃ – saddhivihārikaṇa kālasseva uttāhāya upāhanā omuñcitvā ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā upajjhāyassa dantakaṭṭhaṃ dātabbaṃ, mukhodakaṃ dātabbaṃ. Tattha dantakaṭṭhaṃ dentena mahantaṃ majjhimantaṃ khuddakanti tīṇi dantakaṭṭhāni upanetvā ito yaṃ tīṇi divasāni gaṇhāti, catutthadivasato paṭṭhāya tādīsameva dātabbaṃ. Sace aniyamaṃ katvā yaṃ vā taṃ vā gaṇhāti, atha yādisaṃ labhati, tādīsaṃ dātabbaṃ. Mukhodakaṃ dentenapi sītāñca uṇhañca udakaṃ upanetvā tato yaṃ tīṇi divasāni vaḷaṇṇeti. Catutthadivasato paṭṭhāya tādīsameva mukhadhovanodakaṃ dātabbaṃ. Sace duvidhampi vaḷaṇṇeti, duvidhampi upanetabbaṃ. Udakaṃ mukhadhovanapaṭṭhāne ṭhapetvā vaccakuṭito paṭṭhāya sammajjitabbaṃ. There vaccakuṭigate pariveṇaṃ sammajjitabbaṃ, evaṃ pariveṇaṃ asuññaṃ hoti. There vaccakuṭito anikkhanteyeva āsanaṃ paññāpetabbaṃ. Sarīrakiccaṃ katvā āgantvā tasmīṃ nisinnassa sace yāgu hoti, bhājanaṃ dhovitvā yāgu upanāmetabbā, yāguṃ pivitassa udakaṃ datvā bhājanaṃ paṭiggahetvā nīcaṃ katvā sādhukaṃ appaṭighaṃsantena dhovitvā paṭisāmetabbaṃ. Upajjhāyamhi vuṭṭhite āsanaṃ uddharitabbaṃ. Sace so deso uklāpo hoti kenaci kacavarena saṃkiṇṇo, so deso sammajjitabbo. Sace pana añño kacavaro natthi, udakaphusitāneva honti, hatthena pamajjitabbo.

183. Ở đây, về **phạm sự**, phạm sự này có nhiều loại là: phạm sự đối với thầy tế độ, phạm sự đối với vị giáo thọ, phạm sự đối với Tỳ-khưu khách, phạm sự của Tỳ-khưu trú ngụ, phạm sự của Tỳ-khưu sẽ ra đi, phạm sự tại nhà ăn, phạm sự khi đi khát thực, phạm sự ở trong rừng, phạm sự về chỗ ở, phạm sự tại nhà tắm hơi, phạm sự tại nhà vệ sinh. Trong ấy, trước tiên, **phạm sự đối với thầy tế độ** cần được hiểu như sau: Người đệ tử cùng ở nên thức dậy đúng lúc, cởi dép, mặc thượng y lệch một bên vai, dâng tắm rửa răng cho thầy tế độ, dâng nước rửa mặt. Khi dâng tắm rửa răng ở đây, sau khi dâng ba loại tắm rửa răng lớn, vừa, và nhỏ, vị ấy nhận loại nào trong ba ngày, từ ngày thứ tư trở đi, nên dâng loại tương tự như vậy. Nếu vị ấy nhận bất kỳ loại nào không theo quy định, thì sau đó nhận được loại nào,

nên dâng loại ấy. Khi dâng nước rửa mặt cũng vậy, sau khi dâng cả nước lạnh và nước nóng, vị ấy dùng loại nào trong ba ngày. Từ ngày thứ tư trở đi, nên dâng loại nước rửa mặt tương tự như vậy. Nếu vị ấy dùng cả hai loại, nên dâng cả hai. Sau khi đặt nước ở nơi rửa mặt, nên quét dọn từ nhà vệ sinh. Khi thầy ở trong nhà vệ sinh, nên quét dọn khuôn viên, như vậy khuôn viên không bị trống trải. Khi thầy chưa ra khỏi nhà vệ sinh, nên trải chỗ ngồi. Khi thầy đã làm xong việc thân thể và đến ngồi ở đó, nếu có cháo, sau khi rửa bát, nên dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo, nên dâng nước, nhận lấy bát, úp xuống, rửa cẩn thận không để va chạm rồi cất đi. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên dọn dẹp chỗ ngồi. Nếu nơi đó bẩn thỉu, vương vãi rác rưởi, nên quét dọn nơi đó. Nhưng nếu không có rác khác, chỉ có những giọt nước, nên lau bằng tay.

Sace upajjhāyo gāmaṃ pavisitukāmo hoti, nivāsaṇaṃ dātabbaṃ, paṭinivāsaṇaṃ paṭiggahetabbaṃ, kāyabandhanaṃ dātabbaṃ, saṅgaṇaṃ katvā saṅghāṭiyo dātabbā, dhovitvā patto saudako dātabbo. Sace upajjhāyo pacchāsamaṇaṃ ākaṇkhati, timaṇḍalaṃ paṭicchādentena parimaṇḍalaṃ nivāsetvā kāyabandhanaṃ bandhitvā saṅgaṇaṃ katvā saṅghāṭiyo pārupitvā gaṇṭhikaṃ paṭimuñcivā dhovitvā pattaṃ gahetvā upajjhāyassa pacchāsamaṇena hotabbaṃ, nātidūre gantabbaṃ, nāccāsanne gantabbaṃ. Ettha pana sace upajjhāyaṃ nivattitvā olokentaṃ ekena vā dvīhi vā padavītiḥārehi sampāpuṇāti, ettāvatā nātidūre nāccāsanne gato hotīti veditabbaṃ. Sace upajjhāyena bhikkhācāre yāguyā vā bhatte vā laddhe patto uṇho vā bhāriko vā hoti, attano pattaṃ tassa datvā so patto gahetabbo, na upajjhāyassa bhaṇamānassa antarantarā kathā opātetabbā. Ito paṭṭhāya pana yattha yattha na-kārena paṭisedho karīyati, sabbattha dukkaṭāpatti veditabbā. Upajjhāyo āpattisāmantā bhaṇamāno nivāretabbo. Nivārentena ca “bhante, īdisaṃ nāma vattum vaṭṭati, āpatti na hotī”ti evaṃ pucchanta viya vāretabbo, “vāressāmī”ti pana katvā “mahallaka, mā evaṃ bhaṇā”ti na bhaṇīyo.

Nếu thầy tế độ muốn vào làng, nên dâng y nội, nhận lấy y nội (thay ra), dâng dây lưng, xếp y Tăng-già-lê rồi dâng lên, dâng bát đã rửa có đựng nước. Nếu thầy tế độ cần một vị sa-môn đi theo sau, nên mặc y nội che kín tam luân, thắt dây lưng, khoác y Tăng-già-lê đã xếp gọn, cài nút, cầm bát đã rửa rồi đi theo sau thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Ở đây, nếu thầy tế độ quay lại nhìn và có thể đến được trong một hoặc hai bước chân, thì được biết là đã đi không quá xa, không quá gần. Nếu thầy tế độ nhận được cháo hoặc cơm trong khi khát thực, nếu bát nóng hoặc nặng, nên đưa bát của mình cho thầy và nhận lấy bát đó. Không nên ngắt lời khi thầy tế độ đang nói. Từ đây trở đi, ở bất cứ nơi nào có sự cấm đoán bằng chữ “na” (không), nên hiểu là phạm tội Tác Ác. Khi thầy tế độ nói điều gì gần như phạm tội, nên ngăn cản. Khi ngăn cản, nên ngăn bằng cách hỏi rằng: “Thưa ngài, nói như thế này có được không, có phạm tội không?” chứ không nên nói: “Tôi sẽ ngăn thầy” rồi nói: “Này trưởng lão, đừng nói như vậy.”

Sace āsanne gāmo hoti, vihāre vā gilāno bhikkhu hoti, gāmato paṭhamataraṃ āgantabbaṃ. Sace dūre gāmo hoti, upajjhāyena saddhiṃ āgacchantopi natthi, teneva saddhiṃ gāmato nikkhamitvā cīvarena pattaṃ veṭhetvā antarāmaggaṃ paṭhamataraṃ āgantabbaṃ. Evaṃ paṭhamataraṃ āgataṃ āsaṇaṃ paññāpetabbaṃ, pādodakaṃ pādapiṭṭhaṃ pādakathalikaṃ upanikkhipitabbaṃ, paccuggantvā pattacīvaraṃ paṭiggahetabbaṃ, paṭinivāsaṇaṃ dātabbaṃ, nivāsaṇaṃ paṭiggahetabbaṃ. Sace cīvaraṃ sedaggahitaṃ hoti, muhuttaṃ uṇhe otāpetabbaṃ, na ca uṇhe cīvaraṃ nidahitabbaṃ, cīvaraṃ saṅgharitabbaṃ. Cīvaraṃ saṅgharantaṃ ca caturaṅgulaṃ kaṇṇaṃ ussāretvā cīvaraṃ saṅgharitabbaṃ. Kimkāraṇā? Mā majjhe bhaṇgo ahoṣīti. Samaṃ katvā saṅgharitassa hi majjhe bhaṇgo hoti, tato niccaṃ bhijjamānaṃ dubbalaṃ hoti, taṃ nivāraṇatthametam vuttaṃ. Tasmā yathā ajja bhaṇgaṭṭhāneyeva sve na bhijjissati, tathā divase divase caturaṅgulaṃ ussāretvā saṅgharitabbaṃ, obhoge kāyabandhanaṃ

kātabbam.

Nếu làng ở gần, hoặc có Tỳ-khưu bệnh trong tu viện, nên từ làng trở về trước. Nếu làng ở xa, không có ai đi cùng thầy tế độ, thì sau khi cùng thầy ra khỏi làng, nên dùng y bọc bát lại rồi đi trước trên đường. Người đi trước như vậy nên trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế để chân, và khăn lau chân, đi ra đón, nhận lấy y bát, dâng y nội (để thay), nhận lấy y nội (đã mặc). Nếu y bị ướt mồ hôi, nên phơi nắng một lát, nhưng không nên để y ngoài nắng nóng, nên xếp y lại. Khi xếp y, nên nâng mép y lên bốn lóng tay rồi xếp. Vì sao? Để nếp gấp không nằm ở giữa. Vì khi xếp phẳng, nếp gấp ở giữa, do đó khi gấp luôn sẽ bị yếu đi. Điều này được nói ra để ngăn chặn điều đó. Do đó, để nếp gấp hôm nay không bị rách vào ngày mai, mỗi ngày nên nâng lên bốn lóng tay rồi xếp, nên đặt dây lưng vào nếp gấp.

Sace piṇḍapāto hoti, upajjhāyo ca bhuñjitukāmo hoti, udakam datvā piṇḍapāto upanāmetabbo, upajjhāyo pāṇiyena pucchitabbo. Pucchantena ca tikkhattum “pāṇiyam, bhante, āharīyatū”ti pāṇiyena pucchitabbo. Sace kālo atthi, upajjhāye bhutte sayam bhuñjitabbam. Sace upakattho kālo, pāṇiyam upajjhāyassa santike ṭhapetvā sayampi bhuñjitabbam. Bhuttāvissa udakam datvā pattam paṭiggahetvā nīcam katvā sādhuḥkam appaṭighamsantena dhovitvā vodakam katvā muhuttam uñhe otāpetabbo, na ca uñhe patto nidahitabbo, pattacīvaram nikkhipitabbam. Pattam nikkhipantena ekena hatthena pattam gahetvā ekena hatthena heṭṭhāmañcam vā heṭṭhāpīṭham vā parāmasitvā patto nikkhipitabbo, na ca taṭṭikacammakhaṇḍādīhi anantarāhitāya bhūmiyā patto nikkhipitabbo. Sace pana kāḷavaṇṇakatā vā sudhābaddhā vā bhūmi hoti nirajamattikā, tathārūpāya bhūmiyā ṭhapetum vaṭṭati, dhotavālikāyapi ṭhapetum vaṭṭati, paṃsurajasakkharādīsu na vaṭṭati. Tatra pana paṇṇam vā ādhārakam vā ṭhapetvā tatra nikkhipitabbo. Cīvaram nikkhipantena ekena hatthena cīvaram gahetvā ekena hatthena cīvaravaṃsam vā cīvararajjum vā pamajjitvā pārato antam orato bhogam katvā cīvaram nikkhipitabbam. Idañca cīvaravaṃsādīnam heṭṭhā hattham pavesetvā abhimukhena hatthena saṇikam nikkhipanattam vuttam. Ante pana gahetvā bhogena cīvaravaṃsādīnam upari khipantassa bhittiyam bhogo paṭihaññati, tasmā tathā na kātabbam. Upajjhāyamhi vuṭṭhite āsanam uddharitabbam, pādodakam pādapiṭham pādakathalikam paṭisāmetabbam. Sace so deso uklāpo hoti, so deso sammajjitabbo.

Nếu có vật thực khát thực, và thầy tế độ muốn dùng, nên dâng nước rồi dâng vật thực khát thực, nên hỏi thầy tế độ về nước uống. Khi hỏi, nên hỏi về nước uống ba lần rằng: “Thưa ngài, có cần dâng nước uống không?”. Nếu còn thời gian, sau khi thầy tế độ dùng xong, mình mới nên dùng. Nếu đã gần hết giờ, nên đặt nước uống gần thầy tế độ rồi mình cũng nên dùng. Sau khi thầy dùng xong, nên dâng nước, nhận lấy bát, úp xuống, rửa cẩn thận không để va chạm, làm cho ráo nước, phơi nắng một lát, nhưng không nên để bát ngoài nắng nóng, nên cất y bát. Khi cất bát, nên một tay cầm bát, một tay rờ dưới giường hoặc dưới ghế rồi mới đặt bát xuống, và không nên đặt bát trên nền đất không có lót tấm

thảm da hay vật gì khác. Nhưng nếu nền nhà được sơn đen hoặc trát vữa, không có bụi đất, thì có thể đặt trên nền nhà như vậy, cũng có thể đặt trên cát đã được sàng lọc, không được đặt trên nơi có bụi, rác, sỏi đá. Ở nơi đó, nên đặt một chiếc lá hoặc một vật lót rồi mới đặt bát lên. Khi cất y, nên một tay cầm y, một tay lau sào phơi y hoặc dây phơi y, để phần cuối ở phía xa, phần gấp ở phía gần rồi cất y. Điều này được nói để khi luồn tay vào dưới sào phơi y, nên dùng tay hướng về phía mình từ từ cất đi. Còn nếu cầm ở phần cuối rồi vắt qua sào phơi y, phần gấp sẽ va vào tường, do đó không nên làm như vậy. Khi thấy tế độ đã đứng dậy, nên dọn dẹp chỗ ngồi, cất nước rửa chân, ghế để chân, và khăn lau chân. Nếu nơi đó bẩn thỉu, nên quét dọn nơi đó.

Sace upajjhāyo nahāyitukāmo hoti, nahānaṃ paṭiyādetabbaṃ. Sace sītena attho hoti, sītaṃ paṭiyādetabbaṃ. Sace uñhena attho hoti, uñhaṃ paṭiyādetabbaṃ.

Nếu thấy tế độ muốn tắm, nên chuẩn bị đồ tắm. Nếu cần nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh. Nếu cần nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

Sace upajjhāyo jantāgharaṃ pavisitukāmo hoti, cuṇṇaṃ sannetabbaṃ, mattikā temetabbā. Jantāgharapīṭhaṃ ādāya upajjhāyassa piṭṭhito piṭṭhito gantvā jantāgharapīṭhaṃ datvā cīvaram paṭiggahetvā ekamante niddhūmaṭṭhāne ṭhapetabbaṃ, cuṇṇaṃ dātabbaṃ, mattikā dātabbā. Sace ussahati, jantāgharaṃ pavisitabbaṃ, pavisantena mattikāya mukhaṃ makkhetvā purato ca pacchato ca paṭicchādetvā jantāgharaṃ pavisitabbaṃ. Na there bhikkhū anupakhajja nisīditabbaṃ, na navā bhikkhū āsanena paṭibāhitabbā, jantāghare upajjhāyassa parikammaṃ kātabbaṃ. Jantāghare parikammaṃ nāma aṅgāramattikāuñhodakadānādikaṃ sabbakiccaṃ. Jantāgharā nikkhamantena jantāgharapīṭhaṃ ādāya purato ca pacchato ca paṭicchādetvā jantāgharā nikkhamitabbaṃ.

Nếu thấy tế độ muốn vào nhà tắm hơi, nên trộn bột thơm, làm ẩm đất sét. Cầm ghế nhà tắm hơi đi theo sau lưng thấy tế độ, dâng ghế nhà tắm hơi, nhận lấy y rồi đặt ở một bên, nơi không có khói, dâng bột thơm, dâng đất sét. Nếu có thể, nên vào nhà tắm hơi. Khi vào, nên trét đất sét lên mặt, che phía trước và phía sau rồi vào nhà tắm hơi. Không nên ngồi chen lấn các vị Tỳ-khưu trưởng lão, không nên dùng chỗ ngồi để cản các vị Tỳ-khưu mới tu. Nên làm các công việc phục vụ thầy tế độ trong nhà tắm hơi. Công việc phục vụ trong nhà tắm hơi là tất cả các công việc như dâng than, đất sét, nước nóng v.v... Khi ra khỏi nhà tắm hơi, nên cầm ghế nhà tắm hơi, che phía trước và phía sau rồi ra khỏi nhà tắm hơi.

Udakepi upajjhāyassa aṅgapaccaṅgaghaṃsanādikaṃ parikammaṃ kātabbaṃ, nahātena paṭhamataram uttaritvā attano gattaṃ vodakaṃ katvā nivāsetvā upajjhāyassa gattato udakaṃ pamajjitabbaṃ, nivāsanaṃ dātabbaṃ, saṅghāṭi dātabbā, jantāgharapīṭhaṃ ādāya paṭhamataram āgantvā āsanaṃ paññāpetabbaṃ, pādodakaṃ pādapīṭhaṃ pādakathalikaṃ upanikkhipitabbaṃ, upajjhāyo pāṇiyena pucchitabbo. Jantāghare hi

uṇhasantāpena pipāsā hoti. Sace uddisāpetukāmo hoti, uddisitabbo. Sace paripucchitukāmo hoti, paripucchitabbo.

Trong lúc tắm, cũng nên làm các công việc phục vụ thầy tế độ như kỳ cọ tay chân. Sau khi tắm, nên lên bờ trước, lau khô người, mặc y nội, lau nước trên người thầy tế độ, dâng y nội, dâng y Tăng-già-lê, cầm ghế nhà tắm hơi về trước, trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế để chân, và khăn lau chân, nên hỏi thầy tế độ về nước uống. Vì trong nhà tắm hơi, do hơi nóng nên dễ khát nước. Nếu thầy muốn được trình bày (giáo pháp), nên trình bày. Nếu thầy muốn được hỏi han, nên hỏi han.

Yasmiṃ vihare upajjhāyo viharati, sace so vihāro uklāpo hoti, sace ussahati, kenaci gelañña anabhibhūto hoti, sodhetabbo. Agilānena hi saddhivihārikena saṭṭhivassenapi sabbaṃ upajjhāyavattaṃ kātappaṃ, anādarena akarontassa vattabhede dukkaṭaṃ, na-kārapaṭisaṃyuttesu pana padesu gilānassapi paṭikkhittakiriyaṃ karontassa dukkaṭameva. Vihāraṃ sodhentena paṭhamam pattaṭṭhāraṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ, nisīdanapaccattharaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ, bhisibimbohanaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ, mañco nīcam katvā sādhuṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭhaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitabbo, pīṭhaṃ nīcam katvā sādhuṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭhaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ, mañcapaṭipādaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitabbā, kheḷamallako nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitabbo, apassenaphalakaṃ nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ. Bhūmattharaṃ yathāpaññattaṃ sallakkhetvā nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitappaṃ. Sace vihare santānakaṃ hoti, ullokā paṭhamam ohāretappaṃ, ālokaṃ sandhikaṇṇabhāgā pamajjitabbā. Sace gerukaparikkamaṃ bhitti kaṇṇakitā hoti, coḷakaṃ temetvā pīḷetvā pamajjitabbā. Sace kāḷavaṇṇakatā bhūmi kaṇṇakitā hoti, coḷakaṃ temetvā pīḷetvā pamajjitabbā. Sace akatā hoti bhūmi, udakena paripphosivā paripphosivā sammajjitabbā “mā vihāro rajena uhaññī”ti, saṅkāraṃ vicinitvā ekamantaṃ chaḍḍetappaṃ.

Tu viện nơi thầy tế độ ở, nếu tu viện đó bẩn thỉu, nếu có thể, không bị bệnh tật gì chi phối, nên dọn dẹp. Người đệ tử cùng ở dù đã sáu mươi tuổi, nếu không bệnh, cũng phải làm tất cả phận sự đối với thầy tế độ. Nếu không làm vì không tôn trọng, sẽ phạm tội Tác Ác vì vi phạm phận sự. Còn trong những trường hợp liên quan đến chữ “na” (không), dù là người bệnh mà làm điều bị cấm thì cũng phạm tội Tác Ác. Khi dọn dẹp tu viện, trước tiên nên mang y bát ra đặt ở một bên, mang thảm ngồi và thảm lót ra đặt ở một bên, mang nệm và gối ra đặt ở một bên, nên hạ giường xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa rồi mang ra đặt ở một bên, nên hạ ghế xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa rồi mang ra đặt ở một bên, nên mang chân giường ra đặt ở một bên, nên mang ống nhổ ra đặt ở một bên, nên mang tấm ván tựa lưng ra đặt ở một bên. Nên ghi nhớ vị trí của tấm trải sàn rồi mang ra đặt ở một bên. Nếu trong tu viện có mạng nhện, nên quét mạng nhện từ trên trần xuống trước, lau các góc

cửa sổ. Nếu tường được trát bằng đất son bị bẩn, nên nhúng giẻ vào nước, vắt khô rồi lau. Nếu nền nhà được sơn đen bị bẩn, nên nhúng giẻ vào nước, vắt khô rồi lau. Nếu nền nhà chưa được xử lý, nên vẩy nước rồi quét để tu viện không bị bụi bặm, nên gom rác lại rồi đổ ở một nơi.

Bhūmattharaṇaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā abhiharitvā yathā paṭhamam paññattaṃ ahosi, tatheva paññapetabbaṃ. Etadatthameva hi “yathāpaññattaṃ sallakkhetvā nīharitvā ekamantaṃ nikkhipitabba”nti vuttaṃ. Sace pana paṭhamam ajānanta kenaci paññattaṃ ahosi, samantato bhittiṃ dvaṅgulamattena vā tivaṅgulamattena vā mocetvā paññapetabbaṃ. Idañhettha paññāpanavattaṃ – sace kaṭasārako hoti atimahanto ca, chinditvā koṭiṃ nivattetvā bandhitvā paññapetabbo. Sace koṭiṃ nivattetvā bandhituṃ na jānāti, na chinditabbo. Mañcapaṭipādakā otāpetvā pamajjitvā yathāthāne ṭhapetabbā, mañco otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā nīcam katvā sādhukaṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭhaṃ atiharitvā yathāpaññattaṃ paññapetabbo, pīṭhaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā nīcam katvā sādhukaṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭhaṃ atiharitvā yathāpaññattaṃ paññapetabbaṃ, bhisibimbohanaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā atiharitvā yathāpaññattaṃ paññapetabbaṃ, nisīdanapaccattharaṇaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā atiharitvā yathāpaññattaṃ paññapetabbaṃ, kheḷamallako otāpetvā pamajjitvā atiharitvā yathāthāne ṭhapetabbo, apassenaphalakaṃ otāpetvā pamajjitvā atiharitvā yathāthāne ṭhapetabbaṃ. Pattacīvaraṃ nikkhipitabbaṃ, pattaṃ nikkhipantena ekena hatthena pattaṃ gahetvā ekena hatthena heṭṭhāmañcam vā heṭṭhāpīṭhaṃ vā parāmasitvā patto nikkhipitabbo, na ca anantarahitāya bhūmiyā patto nikkhipitabbo. Cīvaraṃ nikkhipantena ekena hatthena cīvaraṃ gahetvā ekena hatthena cīvaravaṃsaṃ vā cīvararajjuṃ vā pamajjitvā pārato antaṃ, orato bhogaṃ katvā cīvaraṃ nikkhipitabbaṃ. Nên phơi nắng tấm trải sàn, làm sạch, giữ sạch rồi mang vào trải lại như vị trí đã được trải ban đầu. Chính vì mục đích này mà có câu: “nên ghi nhớ vị trí của tấm trải sàn rồi mang ra đặt ở một bên.” Nhưng nếu trước đó nó được trải bởi một người không biết cách, nên trải cách tường khoảng hai hoặc ba lóng tay. Đây là quy tắc trải ở đây: nếu là tấm chiếu sậy và quá lớn, nên cắt bớt, gập mép lại và cột lại rồi trải. Nếu không biết cách gập mép và cột lại, thì không nên cắt. Nên phơi nắng, lau chùi chân giường rồi đặt lại đúng chỗ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ giường, hạ xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ ghế, hạ xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ nệm và gối, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ thảm ngồi và thảm lót, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, lau chùi ống nhổ, mang vào rồi đặt lại đúng chỗ. Nên phơi nắng, lau chùi tấm ván tựa lưng, mang vào rồi đặt lại đúng chỗ. Nên cất y bát, khi cất bát, một tay cầm bát, một tay rời dưới giường hoặc dưới ghế rồi mới đặt bát xuống, và không nên đặt bát trên nền

đất không có lốt. Khi cất y, một tay cầm y, một tay lau sào phơi y hoặc dây phơi y, để phần cuối ở phía xa, phần gấp ở phía gần rồi cất y.

Sace puratthimā sarajā vātā vāyanti, puratthimā vātapānā thaketabbā. Sace pacchimā, uttarā, dakkhiṇā sarajā vātā vāyanti, dakkhiṇā vātapānā thaketabbā. Sace sītākālo hoti, divā vātapānā vivaritabbā, rattim thaketabbā. Sace uṇhakālo hoti, divā thaketabbā, rattim vivaritabbā.

Nếu gió bụi từ hướng đông thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng đông. Nếu gió bụi từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng nam. Nếu là mùa lạnh, ban ngày nên mở cửa sổ, ban đêm nên đóng. Nếu là mùa nóng, ban ngày nên đóng cửa sổ, ban đêm nên mở.

Sace uklāpaṃ hoti, pariveṇaṃ sammajjitabbaṃ, koṭṭhako sammajjitabbo, upaṭṭhānasālā sammajjitabbā, aggisālā sammajjitabbā, vaccakuṭi sammajjitabbā, pāṇiyaṃ paribhojanīyaṃ upaṭṭhapetabbaṃ, ācamanakumbhiyā udakaṃ āsiñcitabbaṃ.

Nếu bẩn thỉu, nên quét dọn khuôn viên, nên quét dọn kho, nên quét dọn nhà hội họp, nên quét dọn nhà bếp, nên quét dọn nhà vệ sinh, nên chuẩn bị nước uống, nước sinh hoạt, nên đổ nước vào lu súc miệng.

Sace upajjhāyassa anabhirati uppannā hoti, saddhivihārikena aññattha netabbo, añño vā bhikkhu bhaṇīyo “theraṃ gahetvā aññattha gacchā”ti, dhammakathā vāssa kātābbā. Sace upajjhāyassa kukkucçaṃ uppannaṃ hoti, saddhivihārikena vinodetabbaṃ, aññena vā vinodāpetabbaṃ dhammakathā vāssa kātābbā. Sace upajjhāyassa diṭṭhigataṃ uppannaṃ hoti, saddhivihārikena vissajjetabbaṃ, añño vā bhaṇīyo “theraṃ diṭṭhigataṃ vissajjāpehī”ti, dhammakathā vāssa kātābbā. Sace upajjhāyo garudhammaṃ ajjhāpanno hoti parivāsāraho, saddhivihārikena ussukkaṃ kātābbā, parivāsādānatthaṃ so so bhikkhu upasaṅkamitvā yācitabbo. Sace attanā paṭibalo hoti, attanāva dātabbo. No ce paṭibalo hoti, aññena dāpetabbo. Sace upajjhāyo mūlāyapaṭikassanāraho hoti mātānāraho abbhānāraho vā, vuttanayeneva ussukkaṃ kātābbā. Sace saṅgho upajjhāyassa kammaṃ kattukāmo hoti tajjanīyaṃ vā niyassaṃ vā pabbājanīyaṃ vā paṭisāraṇīyaṃ vā ukkhepanīyaṃ vā, saddhivihārikena ussukkaṃ kātābbā “kena nu kho upāyena saṅgho upajjhāyassa kammaṃ na kareyya, lahukāya vā pariṇāmeyyā”ti. Saddhivihārikena hi “upajjhāyassa ukkhepanīyakammaṃ kattukāmo saṅgho”ti ñatvā ekamekaṃ bhikkhuṃ upasaṅkamitvā “mā, bhante, amhākaṃ upajjhāyassa kammaṃ karitthā”ti yācitabbā. Sace karontiyeva, “tajjanīyaṃ vā niyassaṃ vā lahukakammaṃ karoṭhā”ti yācitabbā. Sace karontiyeva, atha upajjhāyo “sammā vattatha, bhante”ti yācitabbo. Iti taṃ sammā vattāpetvā “paṭippassambhetha, bhante, kamma”nti bhikkhū

yācitabbā.

Nếu thầy tế độ sanh tâm không hoan hỷ, người đệ tử cùng ở nên dẫn thầy đi nơi khác, hoặc nói với vị Tỳ-khưu khác: “Hãy dẫn trưởng lão đi nơi khác,” hoặc nên thuyết pháp cho thầy nghe. Nếu thầy tế độ sanh tâm hối hận, người đệ tử cùng ở nên làm cho thầy hết hối hận, hoặc nhờ người khác làm cho thầy hết hối hận, hoặc nên thuyết pháp cho thầy nghe. Nếu thầy tế độ sanh tâm tà kiến, người đệ tử cùng ở nên làm cho thầy từ bỏ tà kiến, hoặc nói với người khác: “Hãy làm cho trưởng lão từ bỏ tà kiến,” hoặc nên thuyết pháp cho thầy nghe. Nếu thầy tế độ phạm phải trọng pháp, đáng bị phạt biệt trú, người đệ tử cùng ở nên cố gắng, nên đến gặp từng vị Tỳ-khưu để xin cho thầy được biệt trú. Nếu tự mình có khả năng, nên tự mình ban. Nếu không có khả năng, nên nhờ người khác ban. Nếu thầy tế độ đáng bị phạt hạ bậc, đáng bị phạt tự hối, hoặc đáng được giải tội, nên cố gắng theo cách đã nói. Nếu Tăng chúng muốn thực hiện Tăng sự đối với thầy tế độ là khiển trách, hoặc yết ma nương tựa, hoặc trục xuất, hoặc sám hối, hoặc đình chỉ, người đệ tử cùng ở nên cố gắng rằng: “Bằng phương pháp nào mà Tăng chúng sẽ không thực hiện Tăng sự đối với thầy tế độ của ta, hoặc sẽ giảm nhẹ hình phạt?”. Người đệ tử cùng ở, khi biết Tăng chúng muốn thực hiện Tăng sự đình chỉ đối với thầy tế độ, nên đến gặp từng vị Tỳ-khưu xin rằng: “Thưa ngài, xin đừng thực hiện Tăng sự đối với thầy tế độ của chúng tôi.” Nếu họ vẫn cứ làm, nên xin rằng: “Hãy thực hiện Tăng sự nhẹ hơn như khiển trách hoặc yết ma nương tựa.” Nếu họ vẫn cứ làm, thì nên xin thầy tế độ rằng: “Thưa ngài, xin hãy hành xử đúng đắn.” Sau khi đã xin thầy hành xử đúng đắn như vậy, nên xin các Tỳ-khưu rằng: “Thưa các ngài, xin hãy hủy bỏ Tăng sự.”

Sace upajjhāyassa cīvaraṃ dhovitaṃ hoti, saddhivihārikena dhovitaṃ, ussukkaṃ vā kātabbaṃ “kinti nu kho upajjhāyassa cīvaraṃ dhoviyethā”ti. Sace upajjhāyassa cīvaraṃ kātabbaṃ hoti, rajanaṃ vā pacitaṃ, cīvaraṃ vā rajetaṃ hoti, saddhivihārikena sabbaṃ kātabbaṃ, ussukkaṃ vā kātabbaṃ “kinti nu kho upajjhāyassa cīvaraṃ rajiyethā”ti. Cīvaraṃ rajantena sādhuṃ saṃparivattetvā rajetaṃ, na ca acchinne theve pakkamitaṃ.

Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử cùng ở nên giặt, hoặc nên cố gắng rằng: “Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?”. Nếu y của thầy tế độ cần phải may, hoặc cần phải nấu thuốc nhuộm, hoặc cần phải nhuộm y, người đệ tử cùng ở nên làm tất cả, hoặc nên cố gắng rằng: “Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?”. Khi nhuộm y, nên lật qua lật lại cẩn thận mà nhuộm, và không nên rời đi khi thuốc nhuộm chưa hết nhỏ giọt.

Na upajjhāyaṃ anāpucchā ekaccassa patto dātabbo, na ekaccassa patto paṭiggahetabbo, na ekaccassa cīvaraṃ dātabbaṃ, na ekaccassa cīvaraṃ paṭiggahetabbā, na ekaccassa parikkhāro dātabbo, na ekaccassa parikkhāro paṭiggahetabbo, na ekaccassa kesā chedetabbā, na ekaccena kesā chedāpetabbā, na ekaccassa parikammaṃ kātabbaṃ, na ekaccena parikammaṃ kārāpetabbā, na ekaccassa veyyāvacco kātabbo, na ekaccena

veyyāvacco kārāpetabbo, na ekaccassa pacchāsamaṇena hotabbam, na ekacco pacchāsamaṇo ādātabbo, na ekaccassa piṇḍapāto nīharitabbo, na ekaccena piṇḍapāto nīharāpetabbo, na upajjhāyaṃ anāpucchā gāmo pavisitabbo, piṇḍāya vā aññena vā karaṇīyena pavisitukāmena āpucchitvāva pavisitabbo. Sace upajjhāyo kālasseva vuṭṭhāya dūraṃ bhikkhācāraṃ gantukāmo hoti, “daharā piṇḍāya pavisantū”ti vatvā gantabbam. Avatvā gate pariveṇaṃ gantvā upajjhāyaṃ apassantena gāmaṃ pavisitum vaṭṭati. Sace gāmaṃ pavisantopi passati, diṭṭhaṭṭhānato paṭṭhāya āpucchitumyeva vaṭṭati. Na upajjhāyaṃ anāpucchā vāsathāya vā asubhadassanathāya vā susānaṃ gantabbam, na disā pakkamitabbā, pakkamitukāmena pana kammaṃ ācikkhitvā yāvatatiyaṃ yācitabbo. Sace anujānāti, sādhu, no ce anujānāti, taṃ nissāya vasato cassa uddeso vā paripucchā vā kammaṭṭhānaṃ vā na sampajjati, upajjhāyo bālo hoti abyatto, kevalaṃ attano santike vasāpetukāmatāya eva gantum na deti, evarūpe nivārentepi gantum vaṭṭati. Sace upajjhāyo gilāno hoti, yāvajīvaṃ upaṭṭhāpetabbo, vuṭṭhānamassa āgametabbam, na katthaci gantabbam. Sace añño bhikkhu upaṭṭhāko atthi, bhesajjaṃ pariyesitvā tassa hatthe datvā “bhante, ayaṃ upaṭṭhahissatī”ti vatvā gantabbam. Idaṃ tāva upajjhāyavattam.

Không được cho ai bát mà không hỏi ý thầy tế độ, không được nhận bát của ai, không được cho ai y, không được nhận y của ai, không được cho ai vật dụng, không được nhận vật dụng của ai, không được cạo tóc cho ai, không được để ai cạo tóc cho mình, không được làm công việc phục vụ cho ai, không được để ai làm công việc phục vụ cho mình, không được làm thị giả đi theo sau ai, không được nhận ai làm thị giả đi theo sau, không được mang vật thực khát thực đến cho ai, không được để ai mang vật thực khát thực đến cho mình, không được vào làng mà không hỏi ý thầy tế độ. Người muốn vào làng để khát thực hoặc vì công việc khác, phải hỏi ý rồi mới vào. Nếu thầy tế độ dậy sớm và muốn đi khát thực ở nơi xa, nên nói: “Các vị trẻ hãy vào làng khát thực” rồi mới đi. Nếu đi mà không nói, khi đến khuôn viên không thấy thầy tế độ, thì được phép vào làng. Nếu khi vào làng mà thấy thầy, thì phải hỏi ý ngay từ nơi đã thấy. Không được đến nghĩa địa để ở hoặc để quán tử thi mà không hỏi ý thầy tế độ, không được đi đến phương khác. Người muốn đi, nên trình bày công việc và xin đến ba lần. Nếu thầy cho phép, thì tốt. Nếu không cho phép, mà khi ở với thầy, việc học hỏi, thảo luận hay đề mục thiền định không tiến triển, thầy tế độ lại là người ngu dốt, không hiểu biết, chỉ vì muốn giữ đệ tử ở bên cạnh mà không cho đi, trong trường hợp như vậy, dù thầy ngăn cản cũng được phép đi. Nếu thầy tế độ bị bệnh, nên chăm sóc suốt đời, nên đợi thầy bình phục, không được đi đâu cả. Nếu có Tỷ-khưu khác chăm sóc, nên tìm thuốc men đưa tận tay vị ấy và nói: “Thưa ngài, vị này sẽ chăm sóc” rồi mới đi. Đây là phận sự đối với thầy tế độ.

184. Idameva ca antevāsikena ācariyassa kattabbattā ācariyavatta nti vuccati. Nāma mattameva hettha nānaṃ. Tattha yāva cīvararajanaṃ, tāva vatte akariyamāne upajjhāyassa ācariyassa ca parihāni hoti, tasmā taṃ akarontassa

nissayamuttakassapi amuttakassapi āpattiyeva, ekaccassa pattadānato paṭṭhāya amuttanissayasassa āpatti. Upajjhāye ācariye vā vattaṃ sādiyante saddhivihārikā antevāsikā ca bahukāpi hontu, sabbesaṃ āpatti. Sace upajjhāyo ācariyo vā “mayhaṃ upaṭṭhāko atthi, tumhe attano sajjhāyamanasikārādīsu yogaṃ karoṭhā”ti vadati, saddhivihārikādīnaṃ anāpatti. Upajjhāyo vā ācariyo vā sace sādiyaṇaṃ vā asādiyaṇaṃ vā na jānāti, bālo hoti, saddhivihārikādayo bahū, tesu eko vattasampanno bhikkhu “upajjhāyassa vā ācariyassa vā kiccaṃ ahaṃ karissāmi, tumhe appossukkā viharathā”ti evañce attano bhāraṃ katvā itare vissajjeti, tassa bhārakaraṇato paṭṭhāya tesāṃ anāpatti. Ettha antevāsikesu pana nissayantevāsikena yāva ācariyaṃ nissāya vasati, tāva sabbaṃ ācariyavattaṃ kātabbaṃ. Pabbajjaupasampadadhammantevāsikehi pana nissayamuttakehi ādito paṭṭhāya yāva cīvararajanaṃ, tāva vattaṃ kātabbaṃ. Anāpucchitvā pattadānādimhi pana etesaṃ anāpatti.

184. Chính điều này, do người đệ tử phải làm cho vị giáo thọ, nên được gọi là **phận sự đối với vị giáo thọ**. Ở đây chỉ có tên gọi là khác nhau. Trong đó, cho đến việc nhuộm y, nếu không làm phận sự, thầy tế độ và giáo thọ sẽ bị tổn giảm, do đó người không làm, dù đã hết nương tựa hay chưa, đều phạm tội. Từ việc cho bát của một người nào đó trở đi, chỉ người chưa hết nương tựa mới phạm tội. Khi thầy tế độ hoặc giáo thọ chấp thuận phận sự, dù có nhiều đệ tử cùng ở hay đệ tử, tất cả đều phạm tội. Nếu thầy tế độ hoặc giáo thọ nói: “Tôi đã có người chăm sóc, các vị hãy chuyên tâm vào việc học thuộc và tư duy của mình,” thì các đệ tử cùng ở v.v... không phạm tội. Nếu thầy tế độ hoặc giáo thọ không biết chấp thuận hay không chấp thuận, là người ngu dốt, có nhiều đệ tử cùng ở, trong số đó có một vị Tỳ-khưu hoàn thành phận sự nói rằng: “Tôi sẽ làm công việc của thầy tế độ hoặc giáo thọ, các vị hãy sống không bận tâm,” và nếu vị ấy nhận trách nhiệm như vậy và cho những người khác nghỉ, thì từ khi vị ấy nhận trách nhiệm, những người kia không phạm tội. Ở đây, trong số các đệ tử, người đệ tử nương tựa phải làm tất cả phận sự đối với vị giáo thọ chừng nào còn ở nương tựa vị giáo thọ ấy. Còn các đệ tử xuất gia, thọ cụ túc, dù đã hết nương tựa, cũng phải làm phận sự từ đầu cho đến việc nhuộm y. Nhưng về việc cho bát v.v... mà không hỏi ý, thì họ không phạm tội.

Etesu pabbajjantevāsiko ca upasampadantevāsiko ca ācariyassa yāvajīvaṃ bhārā. Nissayantevāsiko ca dhammantevāsiko ca yāva samīpe vasanti, tāva ācariyupajjhāyehipi antevāsikasaddhivihārikā saṅgahetabbā anuggahetabbā uddesena paripucchāya ovādena anusāsanīyā. Sace antevāsikasaddhivihārikānaṃ patto vā cīvaraṃ vā añño vā koci parikkhāro natthi, attano atirekapattacīvaraṃ atirekaparikkhāro vā atthi, dātabbaṃ. No ce, dhammiyena nayena pariyesanattāya ussukkaṃ kātabbaṃ. Sace antevāsikasaddhivihārikā gilānā honti, upajjhāyavatte vuttanayena dantakaṭṭhadānaṃ ādiṃ katvā ācamanakumbhiyā udakasiñcanapariyosānaṃ sabbaṃ vattaṃ kātabbameva, akarontānaṃ āpatti. Tasmā ācariyupajjhāyehipi antevāsikasaddhivihārikesu sammā vattitabbaṃ. Ācariyupajjhāyādīsu hi yo yo na sammā vattati, tassa tassa āpatti.

Upajjhāyādivattakathā.

Trong số này, đệ tử xuất gia và đệ tử thọ cụ túc là trách nhiệm suốt đời của vị giáo thọ. Còn đệ tử nương tựa và đệ tử học pháp, chừng nào còn ở gần, thì các vị giáo thọ và thầy tế độ cũng phải nhiếp hóa, nâng đỡ các đệ tử và đệ tử cùng ở bằng việc dạy, hỏi, khuyên bảo, và giáo huấn. Nếu các đệ tử và đệ tử cùng ở không có bát, y, hoặc vật dụng nào khác, nếu mình có bát y dư, hoặc vật dụng dư, nên cho. Nếu không, nên cố gắng tìm kiếm theo cách hợp pháp. Nếu các đệ tử và đệ tử cùng ở bị bệnh, phải làm tất cả phận sự từ việc dâng tắm rửa răng cho đến việc đổ nước vào lu súc miệng như đã nói trong phận sự đối với thầy tế độ. Những người không làm sẽ phạm tội. Do đó, các vị giáo thọ và thầy tế độ cũng phải hành xử đúng đắn đối với các đệ tử và đệ tử cùng ở. Trong số các vị giáo thọ, thầy tế độ v.v..., ai không hành xử đúng đắn, người đó sẽ phạm tội. Câu chuyện về phận sự đối với thầy tế độ v.v...

185. Idāni āgantukavattādīni veditabbāni. Āgantukena bhikkhunā upacārasīmāsamīpaṃ gantvā upāhanā omuñcitvā nīcaṃ katvā papphoṭetvā upāhanadaṇḍakena gahetvā chattaṃ upanāmetvā sīsaṃ vivaritvā sīse cīvaram khandhe karitvā sādhukaṃ ataramānena ārāmo pavisitabbo, ārāmaṃ pavisantena sallakkhetabbaṃ “kattha āvāsikā bhikkhū sannipatanti”ti. Yattha āvāsikā bhikkhū sannipatanti upaṭṭhānasālāya vā maṇḍape vā rukkhamaṇḍale vā, tattha gantvā ekamantaṃ patto nikkhipitabbo, ekamantaṃ cīvaram nikkhipitabbaṃ, patirūpaṃ āsanaṃ gahetvā nisīditabbaṃ, pāṇīyaṃ pucchitabbaṃ, paribhojanīyaṃ pucchitabbaṃ “katamaṃ pāṇīyaṃ, katamaṃ paribhojanīya”nti. Sace pāṇīyena attho hoti, pāṇīyaṃ gahetvā pātabbaṃ. Sace paribhojanīyena attho hoti, paribhojanīyaṃ gahetvā pādā dhovitabbā. Pāde dhovantena ekena hatthena udakaṃ āsiñcitabbaṃ, ekena hatthena pādā dhovitabbā, na teneva hatthena udakaṃ āsiñcitabbaṃ, na teneva hatthena pādā dhovitabbā, upāhanapuñchanacoḷakaṃ puñchitvā upāhanā puñchitabbā, upāhanā puñchantena paṭhamam sukkena coḷakena puñchitabbā, pacchā allena, upāhanapuñchanacoḷakaṃ dhovitvā ekamantaṃ pattharitabbaṃ.

185. Bây giờ, nên hiểu về **các phận sự đối với Tỳ-khưu khách v.v....** Vị Tỳ-khưu khách khi đến gần ranh giới của tu viện, nên cởi dép, úp xuống, giữ sạch, cầm bằng que cầm dép, cụp dù, mở đầu, vắt y trên vai, từ từ và cẩn thận đi vào tu viện. Khi vào tu viện, nên quan sát: “Các Tỳ-khưu trú ngụ tụ họp ở đâu?”. Nơi nào các Tỳ-khưu trú ngụ tụ họp, tại nhà hội họp, hoặc lều, hoặc gốc cây, nên đến đó, đặt bát ở một bên, đặt y ở một bên, lấy chỗ ngồi thích hợp rồi ngồi xuống, hỏi về nước uống, hỏi về nước sinh hoạt: “Nước nào là nước uống, nước nào là nước sinh hoạt?”. Nếu cần nước uống, nên lấy nước uống. Nếu cần nước sinh hoạt, nên lấy nước sinh hoạt rồi rửa chân. Khi rửa chân, một tay múc nước, một tay rửa chân, không nên dùng cùng một tay để múc nước và rửa chân. Nên lau giẻ lau dép rồi lau dép. Khi lau dép, trước tiên nên lau bằng giẻ khô, sau đó bằng giẻ ướt. Nên giặt giẻ lau dép rồi phơi ở một bên.

Sace āvāsiko bhikkhu vuḍḍho hoti, abhivādetabbo. Sace navako hoti, abhivādāpetabbo. Senāsaṇaṃ pucchitabbaṃ “katamaṃ me senāsaṇaṃ pāpuṇātī”ti, ajjhāvuṭṭhaṃ vā anajjhāvuṭṭhaṃ vā pucchitabbaṃ, “gocaragāmo āsanne, udāhu dūre, kālasseva piṇḍāya caritabbaṃ, udāhu divā”ti evaṃ bhikkhācāro pucchitabbo, agocarō pucchitabbo, gocarō pucchitabbo. Agocarō nāma micchādiṭṭhikānaṃ gāmo paricchinnabhikkho vā gāmo, yattha ekassa vā dvinnam vā bhikkhā dīyati, sekkhasammahāni kulāni pucchitabbāni, vaccaṭṭhānaṃ pucchitabbaṃ, passāvaṭṭhānaṃ pucchitabbaṃ, “kim imissā pokkharāṇiyā pāṇīyaṃyeva pivanti, nahānādiparibhogampi karonti”ti evaṃ pāṇīyañceva paribhojanīyañca pucchitabbaṃ, kattaradaṇḍo pucchitabbo, saṅghassa katikasaṇṭhānaṃ pucchitabbaṃ, kesuci ṭhānesu vālamigā vā amanussā vā honti, tasmā “kaṃ kālaṃ pavisitabbaṃ, kaṃ kālaṃ nikkhamitabba”nti pucchitabbaṃ. Sace vihāro anajjhāvuṭṭho hoti, kavāṭaṃ ākoṭetvā muhuttaṃ āgametvā ghaṭikaṃ ugghāṭetvā kavāṭaṃ paṇāmetvā

bahi ṭhiteṇa nilloketabbo.

Nếu Tỳ-khưu trú ngụ là vị trưởng lão, nên đánh lễ. Nếu là vị trẻ hơn, nên để vị ấy đánh lễ. Nên hỏi về chỗ ở: “Chỗ ở nào đến lượt tôi?”, nên hỏi chỗ ở có người ở hay không có người ở. Nên hỏi về việc khát thực: “Làng khát thực ở gần hay xa, nên đi khát thực vào buổi sáng sớm hay ban ngày?”. Nên hỏi về nơi không nên đến, nên hỏi về nơi nên đến. Nơi không nên đến là làng của những người có tà kiến hoặc làng có giới hạn về Tỳ-khưu, nơi chỉ cúng dường cho một hoặc hai vị Tỳ-khưu. Nên hỏi về các gia đình được xem là gia đình của bậc hữu học. Nên hỏi về nơi đi đại tiện, nên hỏi về nơi đi tiểu tiện. Nên hỏi về nước uống và nước sinh hoạt: “Nước trong ao này chỉ để uống, hay cũng dùng để tắm rửa và các việc khác?”. Nên hỏi về gậy giữ cửa, nên hỏi về quy định của Tăng chúng. Ở một số nơi có thú dữ hoặc phi nhân, do đó nên hỏi: “Nên vào lúc nào, nên ra lúc nào?”. Nếu tu viện không có người ở, nên gõ cửa, đợi một lát, mở chốt, đẩy cửa ra rồi đứng bên ngoài nhìn vào.

Sace so viḥāro uklāpo hoti, mañce vā mañco āropito hoti, pīṭhe vā pīṭhaṃ āropitaṃ hoti, senāsaṇaṃ upari puñjikaṃ hoti, sace sakkoti, sabbo viḥāro sodhetabbo, asakkontena attano vasanokāso jaggitabbo. Sabbhaṃ sodhetuṃ sakkontena pana upajjhāyavatte vuttanayena bhūmattharaṇamañcapīṭhādīni bahi nīharitvā viḥāraṃ sodhetvā puna atiharitvā yathāṭhāne paññāpetabbāni.

Nếu tu viện đó bẩn thỉu, giường chồng lên giường, ghế chồng lên ghế, đồ đạc trong chỗ ở chất thành đống, nếu có thể, nên dọn dẹp toàn bộ tu viện. Nếu không thể, nên dọn dẹp nơi mình ở. Người có thể dọn dẹp tất cả, nên mang tấm trải sàn, giường, ghế v.v... ra ngoài theo cách đã nói trong phạm sự đối với thầy tế độ, dọn dẹp tu viện rồi mang vào lại và sắp xếp lại đúng chỗ.

Sace puratthimā sarajā vātā vāyanti, puratthimā vātapānā thaketabbā. Sace pacchimā, uttarā, dakkhiṇā sarajā vātā vāyanti, dakkhiṇā vātapānā thaketabbā. Sace sītakālo hoti, divā vātapānā vivaritabbā, rattim thaketabbā. Sace uṇhakālo hoti, divā thaketabbā, rattim vivaritabbā.

Nếu gió bụi từ hướng đông thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng đông. Nếu gió bụi từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng nam. Nếu là mùa lạnh, ban ngày nên mở cửa sổ, ban đêm nên đóng. Nếu là mùa nóng, ban ngày nên đóng cửa sổ, ban đêm nên mở.

Sace uklāpaṃ hoti, pariveṇaṃ sammajjitappaṃ, koṭṭhako sammajjitabbo, upaṭṭhānasālā sammajjitabbā, aggisālā sammajjitabbā, vaccakuṭi sammajjitabbā, pāṇīyaṃ paribhojanīyaṃ upaṭṭhāpetappaṃ, ācamanakumbhiyā udakaṃ āsiñcitappaṃ. Idaṃ

āgantukavattam.

Nếu bắn thỉu, nên quét dọn khuôn viên, nên quét dọn kho, nên quét dọn nhà hội họp, nên quét dọn nhà bếp, nên quét dọn nhà vệ sinh, nên chuẩn bị nước uống, nước sinh hoạt, nên đổ nước vào lu súc miệng. Đây là phận sự đối với Tỳ-khưu khách.

186.Āvāsikavatte āvāsikena bhikkhunā āgantukaṃ bhikkhuṃ vuḍḍhataraṃ disvā āsanaṃ paññāpetabbaṃ, pādodakaṃ pādapiṭṭhaṃ pādakathalikaṃ upanikkhipitabbaṃ, paccuggantvā pattacīvaraṃ paṭiggahetabbaṃ, pānīyena pucchitabbo, pucchantena pana sakīṃ ānītaṃ pānīyaṃ sabbaṃ pivati, “puna ānemī”ti pucchitabboyeva. Bījanenapi bījitabbo, bījantena sakīṃ pādapiṭṭhiyaṃ bījivā sakīṃ majjhe, sakīṃ sīse bījitabbo, “alaṃ hotū”ti vuttena mandataṃ bījitabbaṃ, puna “ala”nti vuttena tato mandataṃ bījitabbaṃ, tatiyavāraṃ vuttena bījanī ṭhapetabbā, pādāpissa dhovitabbā. Sace attano telaṃ atthi, telena makkhetabbā. No ce atthi, tassa santakena makkhetabbā. Sace ussahati, upāhanā puñchitabbā. Upāhanā puñchantena paṭhamāṃ sukkhena coḷena puñchitabbā, pacchā allena, upāhanapuñchanacoḷakaṃ dhovitvā ekamantaṃ vissajjetabbaṃ.

186. Trong **phận sự của Tỳ-khưu trú ngụ**, Tỳ-khưu trú ngụ khi thấy một Tỳ-khưu khách lớn tuổi hơn, nên trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế để chân, và khăn lau chân, đi ra đón, nhận lấy y bát, nên hỏi về nước uống. Khi hỏi, nếu vị ấy uống hết nước đã mang đến một lần, nên hỏi: “Tôi mang thêm nhé?”. Nên quạt cho vị ấy bằng quạt. Khi quạt, nên quạt một lần ở mu bàn chân, một lần ở giữa, một lần ở đầu. Khi vị ấy nói: “Đủ rồi,” nên quạt nhẹ hơn. Khi vị ấy nói: “Đủ rồi” lần nữa, nên quạt nhẹ hơn nữa. Khi vị ấy nói lần thứ ba, nên đặt quạt xuống. Cũng nên rửa chân cho vị ấy. Nếu mình có dầu, nên xoa dầu. Nếu không có, nên dùng dầu của vị ấy mà xoa. Nếu có thể, nên lau dép. Khi lau dép, trước tiên nên lau bằng giẻ khô, sau đó bằng giẻ ướt. Nên giặt giẻ lau dép rồi phơi ở một bên.

Āgantuko bhikkhu abhivādetabbo, senāsanam paññapetabbam “etaṃ senāsanam pāpuṇātī”ti. Ajjhāvuṭṭham vā anajjhāvuṭṭham vā ācikkhitabbam, gocaro ācikkhitabbo, agocaro ācikkhitabbo, sekkhasammatāni kulāni ācikkhitabbāni, vaccaṭṭhānam ācikkhitabbam, passāvaṭṭhānam ācikkhitabbam, pānīyam ācikkhitabbam, paribhojanīyam ācikkhitabbam, kattaradaṇḍo ācikkhitabbo, saṅghassa katikasaṇṭhānam ācikkhitabbam “imaṃ kālam pavisitabbam, imaṃ kālam nikkhamitabba”nti.

Nên đánh lễ Tỳ-khưu khách, nên chỉ chỗ ở: “Chỗ ở này đến lượt ngài.” Nên cho biết chỗ ở có người ở hay không có người ở. Nên cho biết nơi khát thực, nên cho biết nơi không nên đến, nên cho biết các gia đình được xem là gia đình của bậc hữu học. Nên cho biết nơi đi đại tiện, nên cho biết nơi đi tiểu tiện, nên cho biết về nước uống, nên cho biết về nước sinh hoạt, nên cho biết về gậy giữ cửa, nên cho biết quy định của Tăng chúng: “Nên vào lúc này, nên ra lúc này.”

Sace āgantuko navako hoti, nisinnakeneva ācikkhitabbam “atra pattam nikkhipāhi, atra cīvaram nikkhipāhi, idaṃ āsanam, nisīdāhi”ti. Pānīyam ācikkhitabbam, paribhojanīyam ācikkhitabbam, upāhanapuñchanacoḷakam ācikkhitabbam, āgantuko bhikkhu abhivādāpetabbo, senāsanādīnipi nisinneneva ācikkhitabbāni. Vuḍḍhatare pana āgate āsanam paññapetabbanti evamādi sabbam cīvarakammaṃ vā navakammaṃ vā ṭhapetvāpi kātabbam. Cetiyaṅgaṇam sammajjantena sammunjanim nikkhipitvā tassa vattam kātum ārabhitabbam. Paṇḍito hi āgantuko “sammajjāhi tāva cetiyaṅgaṇa”nti vakkhati. Gilānassa bhesajjam karontena pana sace nātiāturo gilāno hoti, bhesajjam akatvā vattameva kātabbam, mahāgilānassa pana bhesajjameva kātabbam. Paṇḍito hi āgantuko “karohi tāva bhesajja”nti vakkhati. Idaṃ āvāsikavattam.

Nếu Tỳ-khưu khách là vị trẻ hơn, có thể ngồi mà chỉ bảo: “Hãy đặt bát ở đây, đặt y ở đây, đây là chỗ ngồi, hãy ngồi xuống.” Nên cho biết về nước uống, nên cho biết về nước sinh hoạt, nên cho biết về giẻ lau dép. Nên để Tỳ-khưu khách đánh lễ mình. Về chỗ ở v.v... cũng có thể ngồi mà chỉ bảo. Nhưng khi vị lớn tuổi hơn đến, phải làm tất cả phận sự như trải chỗ ngồi v.v..., ngay cả khi đang làm công việc may y hay công việc xây dựng cũng phải tạm dừng. Khi đang quét sân tháp, nên đặt chổi xuống và bắt đầu làm phận sự đối với vị ấy. Vị khách có trí tuệ sẽ nói: “Cứ quét sân tháp đi đã.” Nhưng khi đang làm thuốc cho người bệnh, nếu người bệnh không quá nguy kịch, nên không làm thuốc mà làm phận sự trước. Nhưng đối với người bệnh nặng, nên làm thuốc trước. Vị khách có trí tuệ sẽ nói: “Cứ làm thuốc đi đã.” Đây là phận sự của Tỳ-khưu trú ngụ.

187. Gamikavatte gamikena bhikkhunā mañcapīṭhādīdārubhaṇḍam mattikābhaṇḍampi rajanabhājanādi sabbam aggisālāyam vā aññasmim vā guttaṭṭhāne paṭisāmetvā dvāravātapānam thaketvā senāsanam āpucchitvā pakkamitabbam. Sace bhikkhu na hoti, sāmaṇero āpucchitabbo. Sace sāmaṇero na hoti, ārāmiko āpucchitabbo. Sace na hoti bhikkhu vā sāmaṇero vā ārāmiko vā, catūsu pāsāṇesu mañcam paññapetvā mañce

mañcam āropetvā pīthe pītham āropetvā senāsanam upari puñjam karitvā dārubhaṇḍam mattikābhaṇḍam paṭisāmetvā dvāravātapānam thaketvā pakkamitabbam. Sace vihāro ovassati, sace ussahati, sabbo chādetabbo, ussukkam vā kātabbam “kinti nu kho vihāro chādiyethā”ti, evañcetam labhetha, iccetam kusalam. No ce labhetha, yo deso anovassako hoti, tattha catūsu pāsāṇesu mañcam paññapetvā mañce mañcam āropetvā pīthe pītham āropetvā senāsanam upari puñjam karitvā dārubhaṇḍam mattikābhaṇḍam paṭisāmetvā dvāravātapānam thaketvā pakkamitabbam. Sace vihāro ovassati, sace ussahati, senāsanam gāmaṃ atiharitabbam, ussukkam vā kātabbam “kinti nu kho senāsanam gāmaṃ atihariyethā”ti, evañcetam labhetha, iccetam kusalam. No ce labhetha, ajjhokāse catūsu pāsāṇesu mañcam paññapetvā mañce mañcam āropetvā pīthe pītham āropetvā senāsanam upari puñjam karitvā dārubhaṇḍam mattikābhaṇḍam paṭisāmetvā tiṇena vā paṇṇena vā paṭicchādetvā pakkamitabbam “appeva nāma aṅgānipi seseyyu”nti. Idam gamikavattam.

187. Trong phận sự của Tỳ-khưu sẽ ra đi, Tỳ-khưu sẽ ra đi nên cất giữ tất cả đồ đạc bằng gỗ như giường, ghế v.v... và đồ đạc bằng đất sét như chậu nhuộm v.v... trong nhà bếp hoặc nơi an toàn khác, đóng cửa ra vào và cửa sổ, hỏi ý về chỗ ở rồi mới ra đi. Nếu không có Tỳ-khưu, nên hỏi ý sa-di. Nếu không có sa-di, nên hỏi ý người giữ vườn. Nếu không có Tỳ-khưu, sa-di, hay người giữ vườn, nên đặt giường trên bốn tầng đá, chống giường lên giường, chống ghế lên ghế, chất đồ đạc lên trên, cất giữ đồ đạc bằng gỗ và đồ đạc bằng đất sét, đóng cửa ra vào và cửa sổ rồi mới ra đi. Nếu tu viện bị đột, nếu có thể, nên lợp lại toàn bộ, hoặc nên cố gắng rằng: “Làm thế nào để tu viện được lợp lại?”. Nếu làm được như vậy, đó là điều tốt. Nếu không làm được, nơi nào không bị đột, nên đặt giường trên bốn tầng đá, chống giường lên giường, chống ghế lên ghế, chất đồ đạc lên trên, cất giữ đồ đạc bằng gỗ và đồ đạc bằng đất sét, đóng cửa ra vào và cửa sổ rồi mới ra đi. Nếu tu viện bị đột, nếu có thể, nên mang đồ đạc vào làng, hoặc nên cố gắng rằng: “Làm thế nào để đồ đạc được mang vào làng?”. Nếu làm được như vậy, đó là điều tốt. Nếu không làm được, nên đặt giường trên bốn tầng đá ở ngoài trời, chống giường lên giường, chống ghế lên ghế, chất đồ đạc lên trên, cất giữ đồ đạc bằng gỗ và đồ đạc bằng đất sét, dùng cỏ hoặc lá che lại rồi ra đi với ý nghĩ: “Mong rằng ít nhất các bộ phận cũng còn sót lại.” Đây là phận sự của Tỳ-khưu sẽ ra đi.

188. Bhattaggavatte sace ārāme kālo ārocito hoti, timaṇḍalam paṭicchādentena parimaṇḍalam nivāsetvā kāyabandhanam bandhitvā saṇḍaṇḍam katvā saṅghāṭiyo pārupitvā gaṇṭhikam paṭimuñcivā dhovivā pattam gahetvā sādhuḥkam ataramānena gāmo pavisitabbo.

188. Trong **phận sự tại nhà ăn**, nếu thời gian đã được thông báo trong tu viện, nên mặc y nội che kín tam luân, thắt dây lưng, khoác y Tăng-già-lê đã xếp gọn, cài nút, cầm bát đã rửa rồi từ từ và cẩn thận đi vào làng.

Na okkamma therānam bhikkhūnam purato gantabbam. Suppaṭicchannena, susaṃvutena, okkhittacakkhunā, appasaddena antaraghare gantabbam, na ukkhittakāya, na ujjagghikāya antaraghare gantabbam, na kāyappacālakam, na bāhuppacālakam, na sīsappacālakam antaraghare gantabbam, na khambhakatena, na oḡuṇṭhitena, na ukkuṭikāya antaraghare gantabbam.

Không nên vượt qua mặt các vị Tỳ-khưu trưởng lão mà đi trước. Nên đi vào trong nhà với y phục chỉnh tề, thu thúc, mắt nhìn xuống, tiếng động nhỏ. Không nên ưỡn người, không nên hất mặt khi đi vào trong nhà. Không nên lắc thân, không nên vung tay, không nên lắc đầu khi đi vào trong nhà. Không nên chống nạnh, không nên trùm đầu, không nên ngồi xổm khi đi vào trong nhà.

Suppaṭicchannena, susaṃvutena, okkhittacakkhunā, appasaddena antaraghare nisīditabbam, na ukkhittakāya, na ujjagghikāya antaraghare nisīditabbam, na kāyappacālakam, na bāhuppacālakam, na sīsappacālakam antaraghare nisīditabbam, na khambhakatena, na oḡuṇṭhitena, na pallatthikāya antaraghare nisīditabbam, na there bhikkhū anupakhajja nisīditabbam. Sace mahātherassa nisinnāsanena samakam āsanam hoti, bahūsu āsanesu sati ekam dve āsanāni ṭhapetvā nisīditabbam. Bhikkhū gaṇetvā paññattāsanesu anisīditvā mahātherena “nisīdā”ti vuttena nisīditabbam. No ce mahāthero vadati, “idaṃ, bhante, āsanam ucca”nti vattabbam. “Nisīdā”ti vuttena nisīditabbam. Sace pana evam āpucchitepi na vadati, nisīdantassa anāpatti, mahātherasseva āpatti. Navako hi evarūpe āsane anāpucchā nisīdanto āpajjati, thero āpucchite ananujānanto. Na navā bhikkhū āsanena paṭibāhitabbā, na saṅghāṭikam ottharivā antaraghare nisīditabbam.

Nên ngồi trong nhà với y phục chỉnh tề, thu thúc, mắt nhìn xuống, tiếng động nhỏ. Không nên ưỡn người, không nên hất mặt khi ngồi trong nhà. Không nên lắc thân, không nên vung tay, không nên lắc đầu khi ngồi trong nhà. Không nên chống nạnh, không nên trùm đầu, không nên ngồi bắt chéo chân khi ngồi trong nhà. Không nên ngồi chen lấn các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Nếu chỗ ngồi ngang bằng với chỗ ngồi của vị đại trưởng lão, nếu có nhiều chỗ ngồi, nên chừa một hai chỗ rồi mới ngồi. Không nên ngồi vào các chỗ đã được sắp xếp sau khi đếm số Tỳ-khưu, mà nên ngồi khi được vị đại trưởng lão nói: “Hãy ngồi xuống.” Nếu vị đại trưởng lão không nói, nên nói: “Thưa ngài, chỗ ngồi này cao.” Khi được

nói: “Hãy ngồi xuống,” thì nên ngồi. Nhưng nếu đã hỏi như vậy mà vị ấy vẫn không nói, người ngồi không phạm tội, chỉ vị đại trưởng lão phạm tội. Vị Tỳ-khưu mới tu, nếu ngồi vào chỗ như vậy mà không hỏi ý, sẽ phạm tội; vị trưởng lão, khi được hỏi mà không cho phép, cũng phạm tội. Không nên dùng chỗ ngồi để cản các vị Tỳ-khưu mới tu. Không nên trải y Tăng-già-lê ra rồi ngồi trong nhà.

Pattadhovanodake dīyamāne ubhohi hatthehi pattam paṭiggahetvā udakam paṭiggahetabbam, dakkhiṇodakam pana purato ādhārake pattam ṭhapetvā gahetabbam, nīcam katvā udakasaddam akarontena apaṭighamsantena patto dhovitaḥ. Sace udakapaṭiggāhako hoti, nīcam katvā udakapaṭiggāhake udakam āsiñcitabbam “mā udakapaṭiggāhako udakena osiñci, mā sāmanta bhikkhū udakena osiñciṃsu, mā saṅghāṭi udakena osiñcī”ti. Sace udakapaṭiggāhako na hoti, nīcam katvā chamāya udakam āsiñcitabbam “mā sāmanta bhikkhū udakena osiñciṃsu, mā saṅghāṭi udakena osiñcī”ti. Khi được dâng nước rửa bát, nên nhận bát bằng cả hai tay rồi nhận nước. Còn nước cúng dường, nên đặt bát trên vật lót phía trước rồi mới nhận. Nên rửa bát úp xuống, không gây tiếng động nước, không để va chạm. Nếu có vật hứng nước, nên úp xuống đổ nước vào vật hứng nước để “vật hứng nước không bị nước bắn vào, các Tỳ-khưu xung quanh không bị nước bắn vào, y Tăng-già-lê không bị nước bắn vào.” Nếu không có vật hứng nước, nên úp xuống đổ nước trên sàn nhà để “các Tỳ-khưu xung quanh không bị nước bắn vào, y Tăng-già-lê không bị nước bắn vào.”

Odane dīyamāne ubhohi hatthehi pattam paṭiggahetvā odano paṭiggahetabbo. Yathā sūpassa okāso hoti, evam mattāya odano gaṇhitabbo. Sace hoti sappi vā telam vā uttaribhaṇḍam vā, therena bhaṇīyo “sabbesam samakam sampādehi”ti. Idañca na kevalam sappiādīsu, odanepi vattabbam. Sappiādīsu pana yam appam hoti ekassa vā dvinnam vā anurūpam, tam sabbesam samakam sampādehīti vutte manussānam vihesā hoti, tasmā tādisam sakim vā dvikkhattum vā gahetvā sesam na gahetabbam. Sakkaccaṃ piṇḍapāto paṭiggahetabbo, pattasaññinā piṇḍapāto paṭiggahetabbo, samasūpako samatitthiko piṇḍapāto paṭiggahetabbo, na tāva therena bhuñjitabbam, yāva na sabbesam odano sampatto hoti. Idañca yam paricchinnabhikkhukam bhattachgam, yattha manussā sabbesam pāpetvā vanditukāmā honti, tam sandhāya vuttam. Yam pana mahābhattachgam hoti, yattha ekasmim padese bhuñjanti, ekasmim padese udakam dīyati, tattha yathāsukham bhuñjitabbam.

Khi được dâng cơm, nên nhận bát bằng cả hai tay rồi nhận cơm. Nên nhận cơm với lượng vừa đủ để còn chỗ cho thức ăn. Nếu có bơ, dầu hoặc thức ăn thêm, nên nói với vị trưởng lão: “Hãy chia đều cho tất cả mọi người.” Điều này không chỉ nói về bơ v.v..., mà cả về cơm cũng phải nói. Nhưng đối với bơ v.v..., nếu có ít, chỉ đủ cho một hoặc hai người, nếu nói chia đều cho tất cả mọi người sẽ gây phiền hà cho thí chủ, do đó, đối với những thứ như vậy, sau khi nhận một hoặc hai lần, không nên nhận thêm nữa. Nên nhận vật thực khát thực một cách cung kính. Nên nhận vật thực khát thực với tâm chú ý đến bát. Nên

nhận vật thực khát thực có thức ăn và cơm bằng nhau. Vị trưởng lão không nên dùng bữa cho đến khi tất cả mọi người đều đã nhận được cơm. Điều này được nói liên quan đến nhà ăn có số lượng Tỳ-khưu giới hạn, nơi mà thí chủ muốn cúng dường cho tất cả mọi người xong rồi mới đành lễ. Còn nơi là nhà ăn lớn, nơi có người dùng bữa ở một khu vực, có người dâng nước ở khu vực khác, ở đó có thể dùng bữa tùy ý.

Sakkaccaṃ piṇḍapāto bhuñjitabbo, pattasaññinā piṇḍapāto bhuñjitabbo, sapadāno piṇḍapāto bhuñjitabbo, samasūpako piṇḍapāto bhuñjitabbo, na thūpakato omadditvā piṇḍapāto bhuñjitabbo, na sūpaṃ vā byañjanaṃ vā odanena paṭicchādetabbam bhiyyokamyataṃ upādāya, na sūpaṃ vā odanaṃ vā agilānena attano atthāya viññāpetvā bhuñjitabbam, na ujjhānasaññinā paresaṃ patto oloketabbo, nātimahanto kabaḷo kātabbo, parimaṇḍalaṃ ālopo kātabbo, na anāhaṭṭe kabaḷe mukhadvāraṃ vivaritabbam, na bhuñjamānena sabbo hattho mukhe pakkhipitabbo, na sakabaḷena mukhena byāharitabbam, na piṇḍukkhepakam bhuñjitabbam, na kabaḷāvacchekam, na avagaṇḍakārakam, na hatthaniddhunakam, na sitthāvakārakam, na jivhānicchārakam, na capucapukārakam, na surusurukārakam, na hatthanillehakam, na pattanillehakam, na oṭṭhanillehakam bhuñjitabbam.

Nên dùng vật thực khát thực một cách cung kính. Nên dùng vật thực khát thực với tâm chú ý đến bát. Nên dùng vật thực khát thực theo thứ tự. Nên dùng vật thực khát thực có thức ăn và cơm bằng nhau. Không nên vun cơm thành đống rồi nén xuống mà ăn. Không nên dùng cơm che đậy thức ăn hay canh vì muốn được nhiều hơn. Không nên xin thức ăn hay cơm cho mình mà ăn khi không bệnh. Không nên nhìn vào bát của người khác với ý dò xét. Không nên vắt miếng cơm quá lớn. Nên vo viên cơm cho tròn. Không nên mở miệng khi chưa đưa miếng cơm đến. Khi ăn, không nên cho cả bàn tay vào miệng. Không nên nói chuyện khi miệng còn cơm. Không nên ăn vung vãi. Không nên ăn cắt ngang miếng cơm. Không nên ăn phồng má. Không nên ăn vẩy tay. Không nên ăn làm rơi vãi cơm. Không nên ăn lè lưỡi. Không nên ăn chếp miệng. Không nên ăn sùm sụp. Không nên ăn liếm tay. Không nên ăn liếm bát. Không nên ăn liếm môi.

Na sāmisenā hatthena pāṇiyathālako paṭiggahetabbo, na tāva therena hatthadhovanaudakam paṭiggahetabbam, yāva na sabbe bhuttāvino honti. Sace manussā “dhovatha, bhante, pattañca hatthe cā”ti vadanti, bhikkhū vā “tumhe udakam gaṇhathā”ti vadanti, vaṭṭati. Udaḥ dīyamāne ubhoḥi hatthehi pattam paṭiggahetvā udakam paṭiggahetabbam, nīcam katvā udakasaddam akarontena apaṭighamsantena patto dhovitabbo. Sace udakapaṭiggāhako hoti, nīcam katvā udakapaṭiggāhake udakam āsiñcitabbam “mā udakapaṭiggāhako udakena osiñci, mā sāmantā bhikkhū udakena osiñciṃsu, mā saṅghāṭi udakena osiñcī”ti. Sace udakapaṭiggāhako na hoti, nīcam katvā chamāya udakam āsiñcitabbam “mā sāmantā bhikkhū udakena osiñciṃsu, mā saṅghāṭi

udakena osiñcī'ti, na sasitthakam pattadhovanam antaraghare chaḍḍetabbam.

Không nên dùng tay dính thức ăn để nhận khay nước uống. Vị trưởng lão không nên nhận nước rửa tay cho đến khi tất cả mọi người đã dùng bữa xong. Nếu thí chủ nói: “Thưa các ngài, xin hãy rửa bát và tay,” hoặc các Tỳ-khưu nói: “Các vị hãy nhận nước,” thì được phép. Khi được dâng nước, nên nhận bát bằng cả hai tay rồi nhận nước. Nên rửa bát úp xuống, không gây tiếng động nước, không để va chạm. Nếu có vật hứng nước, nên úp xuống đổ nước vào vật hứng nước để “vật hứng nước không bị nước bắn vào, các Tỳ-khưu xung quanh không bị nước bắn vào, y Tăng-già-lê không bị nước bắn vào.” Nếu không có vật hứng nước, nên úp xuống đổ nước trên sàn nhà để “các Tỳ-khưu xung quanh không bị nước bắn vào, y Tăng-già-lê không bị nước bắn vào.” Không nên đổ nước rửa bát còn dính cơm trong nhà.

Bhattachagato utthāya nivattantesu navakehi bhikkhūhi paṭhamataram nivattitabbam, pacchā therehi. Sambādhesu hi gharesu mahātherānam nikkhamanokāso na hoti, tasmā evam vuttam. Evam nivattantehi pana navakehi gehadvāre ṭhatvā thesesu nikkhamantesu paṭipāṭiyā gantabbam. Sace pana mahātherā dhure nisinnā honti, navakā antogehe, therāsanato paṭṭhāya paṭipāṭiyā eva nikkhamitabbam, kāyena kāyam asaṅghaṭṭentena yathā antarena manussā gantum sakkonti, evam virāḷāya pāḷiyā gantabbam.

Khi đứng dậy từ nhà ăn để trở về, các Tỳ-khưu mới tu nên trở về trước, các vị trưởng lão về sau. Vì trong những ngôi nhà chật hẹp, các vị đại trưởng lão không có lối ra, do đó mới nói như vậy. Khi trở về như vậy, các vị mới tu nên đứng ở cửa nhà, đợi các vị trưởng lão ra rồi đi theo thứ tự. Nhưng nếu các vị đại trưởng lão ngồi ở hàng đầu, các vị mới tu ở trong nhà, thì nên đi ra theo thứ tự từ chỗ ngồi của trưởng lão. Nên đi thành hàng thưa để người khác có thể đi qua ở giữa, không để thân chạm vào nhau.

“Anujānāmi, bhikkhave, therena bhikkhunā bhattachage anumoditu”nti (cūḷava. 362) vacanato saṅghattherena bhattachage anumoditabbam. Tam ekameva ohāya sesehi na gantabbam.

Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão được tùy hỷ tại nhà ăn” (cūḷava. 362), vị trưởng lão của Tăng chúng nên tùy hỷ tại nhà ăn. Ngoại trừ một mình vị ấy, những người còn lại không nên đi.

“Anujānāmi, bhikkhave, bhattachage catūhi pañcahi therānutherehi bhikkhūhi āgametu”nti (cūḷava. 362) vacanato saṅghattherena anumodanatthāya nisinne heṭṭhā paṭipāṭiyā catūhi nisīditabbam, anuthere nisinne mahātherena ca heṭṭhā ca tīhi nisīditabbam, pañcame nisinne upari catūhi nisīditabbam, saṅghattherena heṭṭhā daharabhikkhusmim ajjhiṭṭhepi saṅghattherato paṭṭhāya catūhi nisīditabbameva. Sace pana anumodako bhikkhu “gacchatha, bhante, āgametabbakiccam natthī”ti vadati, gantum vaṭṭati. Mahātherena “gacchāma, āvuso”ti vutte “gacchathā”ti vadati, evampi vaṭṭati,

“bahigāme āgamissāmā”ti ābhogaṃ katvāpi bahigāmaṃ gantvā attano nissitake “tumhe tassa āgamaṇaṃ āgamethā”ti vatvāpi gantaṃ vaṭṭatiyeva. Sace pana manussā attano rucitena ekena anumodanaṃ kārenti, neva tassa anumodato āpatti, na mahātherassa bhāro hoti. Upanisinnakathāyameva hi manussesu kathāpentesu thero āpucchitabbo. Mahātherena ca anumodanāya ajjhiṭṭhova āgametabboti idamettha lakkhaṇaṃ. “Anujānāmi, bhikkhave, sati karaṇīye ānantarikaṃ bhikkhuṃ āpucchitvā gantu”nti (cūḷava. 362) vacaṇato pana vaccādiṭṭhita anantaraṃ bhikkhuṃ āpucchitvā gantabbanti. Idaṃ bhattaggavattaṃ.

Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn hoặc năm vị Tỳ-khưu trưởng lão và kế vị trưởng lão chờ đợi tại nhà ăn” (cūḷava. 362), khi vị trưởng lão của Tăng chúng ngồi để tùy hỷ, bốn vị ngồi kế dưới theo thứ tự nên ngồi lại. Khi vị kế vị trưởng lão ngồi, vị đại trưởng lão và ba vị ngồi dưới nên ngồi lại. Khi vị thứ năm ngồi, bốn vị ngồi trên nên ngồi lại. Ngay cả khi vị trưởng lão của Tăng chúng chỉ định một Tỳ-khưu trẻ ngồi dưới, thì bốn vị từ vị trưởng lão của Tăng chúng trở xuống cũng phải ngồi lại. Nhưng nếu vị Tỳ-khưu tùy hỷ nói: “Thưa các ngài, hãy đi đi, không cần phải chờ,” thì được phép đi. Khi vị đại trưởng lão nói: “Chúng tôi đi đây, thưa hiền giả,” và vị kia nói: “Các ngài cứ đi,” như vậy cũng được phép. Sau khi đã chú tâm rằng: “Chúng tôi sẽ chờ ở ngoài làng,” rồi đi ra ngoài làng và nói với người nương tựa của mình: “Các vị hãy chờ đợi sự trở về của vị ấy,” thì cũng được phép đi. Nhưng nếu thí chủ yêu cầu một vị nào đó tùy hỷ theo ý thích của họ, thì vị tùy hỷ đó không phạm tội, và vị đại trưởng lão cũng không có trách nhiệm. Chỉ trong trường hợp câu chuyện bên lề, khi thí chủ đang nói chuyện, mới cần phải hỏi ý vị trưởng lão. Ở đây, đặc điểm là vị đại trưởng lão phải đợi vị đã được chỉ định tùy hỷ. Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khi có việc cần, có thể hỏi ý vị Tỳ-khưu kế bên rồi đi” (cūḷava. 362), người bị mắc đại tiện v.v... nên hỏi ý vị Tỳ-khưu kế bên rồi đi. Đây là phận sự tại nhà ăn.

189. Piṇḍacārikavatte pana piṇḍacārikaṇa bhikkhunā “idāni gāmaṃ pavisissāmī”ti timaṇḍalaṃ paṭicchādentena parimaṇḍalaṃ nivāsetvā kāyabandhanaṃ bandhitvā saṃghāṭiyo pārupitvā gaṇṭhikaṃ paṭimuñcitvā dhovitvā pattamaṃ gahetvā sādhuṃ ataramānena gāmaṃ pavisitabbo. Suppaṭicchannena antaraghare gantabbantiādi sabbamaṃ bhattaggavatte vuttanayeneva idhāpi veditabbamaṃ.

189. Còn trong **phận sự khi đi khát thực**, vị Tỳ-khưu đi khát thực, khi nghĩ rằng: “Bây giờ ta sẽ vào làng,” nên mặc y nội che kín tam luân, thắt dây lưng, khoác y Tăng-già-lê đã xếp gọn, cài nút, cầm bát đã rửa rồi từ từ và cẩn thận đi vào làng. “Nên đi vào trong nhà với y phục chỉnh tề” v.v..., tất cả những điều này ở đây cũng nên được hiểu theo cách đã nói trong phận sự tại nhà ăn.

Nivesanaṃ pavisantena sallakkhetabbamaṃ “iminā pavisissāmi, iminā nikkhamissāmī”ti, nāṭisahasā pavisitabbamaṃ, nāṭidūre nāccāsanne ṭhātabbamaṃ, nāṭiciraṃ ṭhātabbamaṃ, nāṭilahukaṃ nivattitabbamaṃ, ṭhitena sallakkhetabbamaṃ “bhikkhamaṃ dātukāmā vā adātukāmā vā”ti . Sace kammaṃ vā nikkhipati, āsanā vā vuṭṭhāti, kaṭacchumaṃ vā parāmasati,

bhājanam vā parāmasati, ṭhapeti vā, “dātukāmassā”ti ṭhātabbam. Bhikkhāya dīyamānāya vāmena hatthena saṅghāṭiṃ uccāretvā dakkhiṇena hatthena pattam paṇāmetvā ubhohi hatthehi pattam paṭiggahetvā bhikkhā paṭiggahetabbā, itthi vā hotu puriso vā, bhikkhādānasamaye mukham na oloketabbam, sallakkhetabbam “sūpam dātukāmā vā adātukāmā vā”ti. Sace kaṭacchum vā parāmasati, bhājanam vā parāmasati, ṭhapeti vā, “dātukāmassā”ti ṭhātabbam. Bhikkhāya dinnāya saṅghāṭiyā pattam paṭicchādetvā sādhukam ataramānena nivattitabbam.

Khi vào nhà, nên để ý: “Ta sẽ vào bằng lối này, ra bằng lối này.” Không nên vào quá vội vàng. Không nên đứng quá xa, không nên đứng quá gần. Không nên đứng quá lâu. Không nên quay đi quá nhanh. Khi đứng, nên để ý: “Họ có muốn cúng dường vật thực hay không muốn cúng dường.” Nếu họ gác lại công việc, hoặc đứng dậy khỏi chỗ ngồi, hoặc cầm lấy vá, hoặc cầm lấy vật đựng, hoặc đặt xuống, thì nên đứng lại vì “họ có ý muốn cúng dường.” Khi được dâng vật thực, nên dùng tay trái nâng y Tăng-già-lê lên, dùng tay phải đưa bát ra, nhận vật thực bằng cả hai tay. Dù là phụ nữ hay đàn ông, không nên nhìn vào mặt họ lúc nhận vật thực. Nên để ý: “Họ có muốn cúng dường thức ăn hay không muốn cúng dường.” Nếu họ cầm lấy vá, hoặc cầm lấy vật đựng, hoặc đặt xuống, thì nên đứng lại vì “họ có ý muốn cúng dường.” Sau khi đã nhận vật thực, nên dùng y Tăng-già-lê che bát lại rồi từ từ và cẩn thận quay đi.

Yo paṭhamam gāmato piṇḍāya paṭikkamati, tena āsanam paññāpetabbam, pādodakam pādapīṭham pādakathalikam upanikkhipitabbam, avakkārapāti dhovitvā upaṭṭhāpetabbā, pānīyam paribhojanīyam upaṭṭhāpetabbam. Yo pacchā gāmato piṇḍāya paṭikkamati, sace hoti bhuttāveseso, sace ākaṅkhati, bhuñjitabbam. No ce ākaṅkhati, appaharite vā chaḍḍetabbam, appāṇake vā uḍake opilāpetabbam, tena āsanam uddharitabbam, pādodakam pādapīṭham pādakathalikam paṭisāmetabbam, avakkārapāti dhovitvā paṭisāmetabbā, pānīyam paribhojanīyam paṭisāmetabbam, bhattaggam sammajjitabbam. Yo passati pānīyaghaṭam vā paribhojanīyaghaṭam vā vaccaghaṭam vā rittam tuccham, tena upaṭṭhāpetabbam. Sacassa hoti avisayham, hatthavikārena dutiyam āmantetvā hatthavilaṅghakena upaṭṭhāpetabbam, na ca tappaccayā vācā bhinditabbāti. Idam piṇḍacārikavattam.

Người nào từ làng trở về trước sau khi đi khát thực, người đó nên trải chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế để chân, khăn lau chân, rửa sạch chậu đựng rác rồi đặt sẵn. Nên chuẩn bị nước uống, nước sinh hoạt. Người nào từ làng trở về sau khi đi khát thực, nếu còn thức ăn thừa, nếu muốn, có thể dùng. Nếu không muốn, nên đổ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc thả trôi trong nước không có chúng sanh. Người đó nên dọn dẹp chỗ ngồi, cất nước rửa chân, ghế để chân, khăn lau chân, rửa sạch chậu đựng rác rồi cất đi, cất nước uống, nước sinh hoạt, quét dọn nhà ăn. Ai thấy lu nước uống, lu nước sinh hoạt, hoặc lu nước trong nhà vệ sinh rỗng không, người đó nên đổ đầy. Nếu không đủ sức, nên ra hiệu bằng tay gọi người thứ hai, dùng sức hai người để đổ đầy, và không nên vì lý do đó mà nói lời

nào. Đây là phận sự khi đi khất thực.

190.Āraññikavatte āraññikena bhikkhunā kālasseva uṭṭhāya pattam thavikāya pakkhipitvā amse laggetvā cīvaram khandhe karitvā upāhanā ārohitvā dārubhaṇḍam mattikābhaṇḍam paṭisāmetvā dvāravātapānam thaketvā vasanaṭṭhānato nikkhamitabbam. “Idāni gāmaṃ pavisissāmā”ti upāhanā omuñcitvā nīcam katvā papphoṭetvā thavikāya pakkhipitvā amse laggetvā timaṇḍalam paṭicchādentena parimaṇḍalam nivāsetvā kāyabandhanam bandhitvā saṇaṇam katvā saṅghāṭiyo pārupitvā gaṇṭhikam paṭimuñcitvā dhovitvā pattam gahetvā sādhuḥkaṃ ataramānena gāmo pavisitabbo. Suppaṭicchannena antaraghare gantabbantiādi sabbam gamanavidhānam idhāpi bhattachagavatte vuttanayeneva veditabbam.

190. Trong **phận sự ở trong rừng**, vị Tỳ-khưu ở trong rừng nên dậy đúng giờ, bỏ bát vào túi, đeo lên vai, vắt y lên vai, mang dép, cất giữ đồ đạc bằng gỗ, đồ đạc bằng đất sét, đóng cửa ra vào và cửa sổ rồi ra khỏi nơi ở. Khi nghĩ rằng: “Bây giờ chúng ta sẽ vào làng,” nên cởi dép, úp xuống, giữ sạch, bỏ vào túi, đeo lên vai, mặc y nội che kín tam luân, thắt dây lưng, khoác y Tăng-già-lê đã xếp gọn, cài nút, cầm bát đã rửa rồi từ từ và cẩn thận đi vào làng. “Nên đi vào trong nhà với y phục chỉnh tề” v.v..., tất cả quy tắc đi lại ở đây cũng nên được hiểu theo cách đã nói trong phận sự tại nhà ăn.

Nivesanam pavisantena sallakkhetabbam “iminā pavisissāmi, iminā nikkhamissāmi”tiādi sabbam bhikkhācāraavidhānam piṇḍacārikavatte vuttanayeneva veditabbam. Āraññikena bhikkhunā pānīyam paribhojanīyam upaṭṭhāpetabbam. Sace bhājanāni nappahonti, pānīyameva paribhojanīyampi katvā upaṭṭhāpetabbam. Bhājanam alabhantena veḷunāḷikāyapi upaṭṭhāpetabbam. Tampi alabhantassa yathā samīpe udakaāvāto hoti, evam kātabbam. Aggi upaṭṭhāpetabbo, araṇisahitam upaṭṭhāpetabbam, araṇisahite sati aggiṃ akātumpi vaṭṭati. Yathā ca āraññikassa, evam kantārappaṭipannassapi araṇisahitam icchitabbam. Gaṇavāsino pana tena vināpi vaṭṭati. Kattaradaṇḍo upaṭṭhāpetabbo, nakkhattapadāni uggahetabbāni sakalāni vā ekadesāni vā, disākusalena bhavitabbam. Idam āraññikavattam.

Khi vào nhà, nên để ý: “Ta sẽ vào bằng lối này, ra bằng lối này” v.v..., tất cả quy tắc khất thực nên được hiểu theo cách đã nói trong phận sự khi đi khất thực. Vị Tỳ-khưu ở trong rừng nên chuẩn bị nước uống, nước sinh hoạt. Nếu không đủ đồ chứa, nên dùng nước uống làm cả nước sinh hoạt. Nếu không có đồ chứa, cũng nên chuẩn bị bằng ống tre. Nếu cũng không có, nên làm sao để có hồ nước ở gần. Nên chuẩn bị lửa. Nên chuẩn bị dụng cụ đánh lửa. Khi có dụng cụ đánh lửa, không cần tạo lửa cũng được. Giống như vị Tỳ-khưu ở trong rừng, vị đi qua vùng hoang dã cũng nên muốn có dụng cụ đánh lửa. Nhưng người sống trong Tăng chúng, không có nó cũng được. Nên chuẩn bị gậy giữ cửa. Nên học các vị trí của các vì sao, toàn bộ hoặc một phần. Nên là người giỏi về phương hướng. Đây là phận sự ở trong rừng.

191.Senāsanavatte yasmiṃ vihāre viharati, sace so vihāro uklāpo hoti, sace ussahati, sodhetabbo. Vihāram sodhentena paṭhamam pattacīvaram nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam, nisīdanapaccattharaṇam nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam, bhisibimbohanam nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam, mañco nīcam katvā sādhuḥkam apaṭighamsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭham nīharitvā ekamantam nikkhipitabbo, pīṭham nīcam katvā sādhuḥkam apaṭighamsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭham nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam, mañcapaṭipādakā nīharitvā ekamantam nikkhipitabbā, khelamallako nīharitvā ekamantam nikkhipitabbo, apassenaphalakam nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam, bhūmattharaṇam yathāpaññattam sallakkhetvā nīharitvā ekamantam nikkhipitabbam. Sace vihāre santānakam hoti, ullokā paṭhamam ohāretabbam, ālokasandhikaṇṇabhāgā pamajjitabbā. Sace gerukaparikkamakatā bhitti kaṇṇakitā hoti, coḷakam temetvā pīletvā pamajjitabbā. Sace kāḷavaṇṇakatā bhūmi kaṇṇakitā hoti, coḷakam temetvā pīletvā pamajjitabbā. Sace akatā hoti bhūmi, udakena paripphositvā paripphositvā sammajjitabbā “mā vihāro rajena uhaññī”ti, saṅkāram vicinitvā ekamantam chaḍdetabbam.

191. Trong **phận sự về chỗ ở**, tu viện nơi mình ở, nếu tu viện đó bẩn thỉu, nếu có thể, nên dọn dẹp. Khi dọn dẹp tu viện, trước tiên nên mang y bát ra đặt ở một bên, mang thảm ngồi và thảm lót ra đặt ở một bên, mang nệm và gối ra đặt ở một bên, nên hạ giường

xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa rồi mang ra đặt ở một bên, nên hạ ghế xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa rồi mang ra đặt ở một bên, nên mang chân giường ra đặt ở một bên, nên mang ống nhổ ra đặt ở một bên, nên mang tấm ván tựa lưng ra đặt ở một bên. Nên ghi nhớ vị trí của tấm trải sàn rồi mang ra đặt ở một bên. Nếu trong tu viện có mạng nhện, nên quét mạng nhện từ trên trần xuống trước, lau các góc cửa sổ. Nếu tường được trát bằng đất son bị bẩn, nên nhúng giẻ vào nước, vắt khô rồi lau. Nếu nền nhà được sơn đen bị bẩn, nên nhúng giẻ vào nước, vắt khô rồi lau. Nếu nền nhà chưa được xử lý, nên vẩy nước rồi quét để tu viện không bị bụi bặm, nên gom rác lại rồi đổ ở một nơi.

Na bhikkhusāmantā senāsanam papphoṭetabbam, na viḥārasāmantā senāsanam papphoṭetabbam, na pāṇīyasāmantā senāsanam papphoṭetabbam, na paribhojanīyasāmantā senāsanam papphoṭetabbam, na paṭivāte añgaṇe senāsanam papphoṭetabbam, adhovāte senāsanam papphoṭetabbam.

Không nên giữ đồ đạc gần Tỳ-khưu. Không nên giữ đồ đạc gần tu viện. Không nên giữ đồ đạc gần nước uống. Không nên giữ đồ đạc gần nước sinh hoạt. Không nên giữ đồ đạc ở sân nơi ngược gió. Nên giữ đồ đạc ở nơi xuôi gió.

Bhūmattharaṇam otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā atiharitvā yathāpaññattam paññāpetabbam, mañcapaṭipādakā ekamantaṃ otāpetvā pamajjitvā abhiharitvā yathāṭhāne ṭhapetabbā, mañco ekamantaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā nīcam katvā sādhuḥkaṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭham atiharitvā yathāpaññattam paññāpetabbo, pīṭham ekamantaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā nīcam katvā sādhuḥkaṃ apaṭighaṃsantena asaṅghaṭṭentena kavāṭapīṭham atiharitvā yathāpaññattam paññāpetabbam, bhisibimbohanaṃ ekamantaṃ otāpetvā sodhetvā papphoṭetvā atiharitvā yathāpaññattam paññāpetabbam, nisīdanapaccattharaṇam otāpetvā papphoṭetvā atiharitvā yathāpaññattam paññāpetabbam, kheḷamallako ekamantaṃ otāpetvā pamajjitvā atiharitvā yathāṭhāne ṭhapetabbo, apassenaphalakaṃ ekamantaṃ otāpetvā pamajjitvā yathāṭhāne ṭhapetabbam. Pattacīvaraṃ nikkhipitabbam, pattam nikkhipantena ekena hatthena pattam gahetvā ekena hatthena heṭṭhāmañcam vā heṭṭhāpīṭham vā parāmasitvā patto nikkhipitabbo, na ca anantarāhitāya bhūmiyā patto nikkhipitabbo. Cīvaraṃ nikkhipantena ekena hatthena cīvaraṃ gahetvā ekena hatthena cīvaravaṃsaṃ vā cīvararajjumaṃ vā pamajjitvā pārato antaṃ, orato bhogaṃ katvā cīvaraṃ nikkhipitabbam.

Nên phơi nắng tấm trải sàn, làm sạch, giữ sạch rồi mang vào trải lại như cũ. Nên phơi nắng, lau chùi chân giường ở một bên, mang vào rồi đặt lại đúng chỗ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ giường ở một bên, hạ xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ ghế ở một bên, hạ xuống thấp, cẩn thận không để va chạm, không làm va vào khung cửa, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, làm sạch, giữ nệm và gối ở một bên, mang vào rồi trải lại

như cũ. Nên phơi nắng, giữ thảm ngồi và thảm lót, mang vào rồi trải lại như cũ. Nên phơi nắng, lau chùi ống nhổ ở một bên, mang vào rồi đặt lại đúng chỗ. Nên phơi nắng, lau chùi tấm ván tựa lưng ở một bên rồi đặt lại đúng chỗ. Nên cất y bát. Khi cất bát, một tay cầm bát, một tay rờ dưới giường hoặc dưới ghế rồi mới đặt bát xuống, và không nên đặt bát trên nền đất không có lót. Khi cất y, một tay cầm y, một tay lau sào phơi y hoặc dây phơi y, để phần cuối ở phía xa, phần gấp ở phía gần rồi cất y.

Sace puratthimā sarajā vātā vāyanti, puratthimā vātapānā thaketabbā. Sace pacchimā, uttarā, dakkhiṇā sarajā vātā vāyanti, dakkhiṇā vātapānā thaketabbā. Sace sītakālo hoti, divā vātapānā vivaritabbā, rattim thaketabbā. Sace uṇhakālo hoti, divā vātapānā thaketabbā, rattim vivaritabbā.

Nếu gió bụi từ hướng đông thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng đông. Nếu gió bụi từ hướng tây, hướng bắc, hướng nam thổi đến, nên đóng cửa sổ hướng nam. Nếu là mùa lạnh, ban ngày nên mở cửa sổ, ban đêm nên đóng. Nếu là mùa nóng, ban ngày nên đóng cửa sổ, ban đêm nên mở.

Sace uklāpaṃ hoti, pariveṇaṃ sammajjitabbā, koṭṭhako sammajjitabbo, upaṭṭhānasālā sammajjitabbā, aggisālā sammajjitabbā, vaccakuṭi sammajjitabbā. Sace pāṇīyaṃ na hoti, pāṇīyaṃ upaṭṭhāpetabbā. Sace paribhojanīyaṃ na hoti, paribhojanīyaṃ upaṭṭhāpetabbā. Sace ācamanakumbhiyā udakaṃ na hoti, ācamanakumbhiyā udakaṃ āsiñcitabbā.

Nếu bẩn thỉu, nên quét dọn khuôn viên, nên quét dọn kho, nên quét dọn nhà hội họp, nên quét dọn nhà bếp, nên quét dọn nhà vệ sinh. Nếu không có nước uống, nên chuẩn bị nước uống. Nếu không có nước sinh hoạt, nên chuẩn bị nước sinh hoạt. Nếu không có nước trong lu súc miệng, nên đổ nước vào lu súc miệng.

Sace vuḍḍhena saddhiṃ ekavīhāre viharati, na vuḍḍhaṃ anāpucchā uddeso dātabbo, na paripucchā dātabbā, na sajjhāyo kātabbo, na dhammo bhāsītabbo, na padīpo kātabbo, na padīpo vijjhāpetabbo, na vātapānā vivaritabbā, na vātapānā thaketabbā. Dvāraṃ nāma yasmā mahāvaḷaṇṇaṃ, tasmā tattha āpucchanaṃ natthi, sesāni pana uddesadānādāni āpucchitvāva kātabbāni, devasikampi āpucchitum vaṭṭati. Athāpi “bhante, āpucchitameva hotū”ti vutte vuḍḍhataro “sādhū”ti sampatichati, sayameva vā “tvam yathāsukhaṃ viharāhi”ti vadati, evampi vaṭṭati. Sabhāgassa viṇayaṇaṃ viṇayaṇaṃ vaṭṭatiyeva. Sace vuḍḍhena saddhiṃ ekaccaṅkame caṅkamati, yena vuḍḍho, tena parivattetabbā, na ca vuḍḍho saṅghāṭikaṇṇena ghaṭṭetabbo. Idaṃ senāsanavattaṃ.

Nếu ở chung một tu viện với vị trưởng lão, không được dạy học, không được hỏi han, không được tụng kinh, không được thuyết pháp, không được thắp đèn, không được tắt đèn, không được mở cửa sổ, không được đóng cửa sổ mà không hỏi ý vị trưởng lão. Cửa ra vào vì là nơi qua lại nhiều nên không cần phải hỏi ý. Nhưng các việc khác như dạy học v.v... phải hỏi ý rồi mới làm. Hàng ngày cũng nên hỏi ý. Hơn nữa, nếu khi được nói: “Thưa

ngài, xin xem như đã được hỏi ý,” vị trưởng lão hơn đồng ý: “Tốt lắm,” hoặc tự mình nói: “Con hãy sống tùy ý,” như vậy cũng được phép. Với sự thân quen của người đồng bạn cũng được phép. Nếu đi kinh hành trên cùng một đường kinh hành với vị trưởng lão, nên quay lại theo hướng của vị trưởng lão, và không được để mép y Tăng-già-lê chạm vào vị trưởng lão. Đây là phận sự về chỗ ở.

192. Jantāgharavatte yo paṭhamam jāntāgharam gacchati, sace chārikā ussannā hoti, chārikā chaḍḍetabbā. Sace uklāpaṃ hoti, jāntāgharam sammajjitabbam, paribhaṇḍam sammajjitabbam, parivenaṃ sammajjitabbam, koṭṭhako sammajjitabbo, jāntāgharasālā sammajjitabbā, cuṇṇam sannetabbam, mattikā temetabbā, udakadoṇiyā udakaṃ āsiñcitabbam. Jantāgharam pavisantena mattikāya mukhaṃ makkhetvā purato ca pacchato ca paṭicchādetvā jāntāgharam pavisitabbam, na there bhikkhū anupakhajja nisīditabbam, na navā bhikkhū āsanena paṭibāhitabbā. Sace ussahati, jāntāghare therānaṃ bhikkhūnaṃ parikammaṃ kātabbam. Jantāgharā nikkhamantena jāntāgharapīṭhaṃ ādāya purato ca pacchato ca paṭicchādetvā jāntāgharā nikkhamitabbam. Sace ussahati, udayepi therānaṃ bhikkhūnaṃ parikammaṃ kātabbam, na therānaṃ bhikkhūnaṃ purato nahāyitabbam, na uparito nahāyitabbam, nahātena uttarantena otarantānaṃ maggo dātabbo. Yo pacchā jāntāgharā nikkhamati, sace jāntāgharam cikkhallam hoti, dhovitabbam, mattikādoṇim dhovitvā jāntāgharapīṭhaṃ paṭisāmetvā aggim vijjhāpetvā dvāraṃ thaketvā pakkamitabbam. Idam jāntāgharavattam.

192. Trong **phận sự tại nhà tắm hơi**, người nào đến nhà tắm hơi trước tiên, nếu có nhiều tro, nên đổ tro đi. Nếu bẩn thỉu, nên quét dọn nhà tắm hơi, quét dọn đồ đạc, quét dọn khuôn viên, quét dọn kho, quét dọn phòng chờ nhà tắm hơi. Nên trộn bột thơm, làm ẩm đất sét, đổ nước vào bồn nước. Khi vào nhà tắm hơi, nên trét đất sét lên mặt, che phía trước và phía sau rồi vào nhà tắm hơi. Không nên ngồi chen lấn các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Không nên dùng chỗ ngồi để cản các vị Tỳ-khưu mới tu. Nếu có thể, nên phục vụ các vị Tỳ-khưu trưởng lão trong nhà tắm hơi. Khi ra khỏi nhà tắm hơi, nên cầm ghế nhà tắm hơi, che phía trước và phía sau rồi ra khỏi nhà tắm hơi. Nếu có thể, cũng nên phục vụ các vị Tỳ-khưu trưởng lão dưới nước. Không nên tắm trước mặt các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Không nên tắm ở phía trên nguồn nước. Khi tắm xong lên bờ, nên nhường đường cho những người đang đi xuống. Người nào ra khỏi nhà tắm hơi sau cùng, nếu nhà tắm hơi lấy lợi, nên dội rửa. Rửa sạch bồn đất sét, cất ghế nhà tắm hơi, dập tắt lửa, đóng cửa rồi ra về. Đây là phận sự tại nhà tắm hơi.

193. Vaccakuṭivatte yo vaccakuṭim gacchati, bahi ṭhitena ukkāsitabbam, anto nisinnenapi ukkāsitabbam, cīvaravaṃse vā cīvararajjuyā vā cīvaraṃ nikkhipitvā sādhuḥkaṃ ataramānena vaccakuṭi pavisitabbā, nāṭisahasā pavisitabbā, na ubbhajitvā pavisitabbā, vaccapādukāya ṭhitena ubbhajitabbam, na nitthunantena vacco kātabbo, na dantakaṭṭhaṃ khādantena vacco kātabbo, na bahiddhā vaccadoṇikāya vacco kātabbo, na bahiddhā passāvadoṇikāya passāvo kātabbo, na passāvadoṇikāya kheḷo kātabbo,

phālitenā vā kharena vā gaṇṭhikena vā kaṇṭakena vā susirena vā pūtinā vā kaṭṭhena na avalekhitabbam, avalekhanakaṭṭham pana aggahetvā pavittṭhassa āpatti natthi, na avalekhanakaṭṭham vaccakūpamhi pātetabbam, vaccapādukāya tṭhena paṭicchādetabbam, nātisahasā nikkhamitabbam, na ubbhajitvā nikkhamitabbam, ācamanapādukāya tṭhena ubbhajitabbam, na capucapukārakam ācametabbam, na ācamanasarāvake udakam sesetabbam. Idañca sabbasādhāraṇaṭṭhānam sandhāya vuttam. Tatra hi aññe aññe āgacchanti, tasmā udakam na sesetabbam. Yam pana saṅghikepi vihāre ekadesa nibaddhagamanatthāya katam tṭhānam hoti puggalikaṭṭhānam vā, tasmim vaṭṭati. Virecanam pivitvā punappunam pavisantassapi vaṭṭatiyeva. Ācamanapādukāya tṭhena paṭicchādetabbam.

193. Trong **phận sự tại nhà vệ sinh**, người nào đến nhà vệ sinh, khi đứng bên ngoài nên hắng giọng. Người ngồi bên trong cũng nên hắng giọng. Nên đặt y trên sào phơi y hoặc dây phơi y rồi từ từ và cẩn thận đi vào nhà vệ sinh. Không nên vào quá vội vàng. Không nên vừa đi vừa tiểu. Nên đứng trên dép đi vệ sinh rồi mới tiểu. Không nên vừa khạc nhổ vừa đi đại tiện. Không nên vừa nhai tăm xỉa răng vừa đi đại tiện. Không nên đi đại tiện bên ngoài bồn đại tiện. Không nên đi tiểu tiện bên ngoài bồn tiểu tiện. Không nên khạc nhổ vào bồn tiểu tiện. Không nên dùng que chùi bị nứt, sứt, có mấu, có gai, rỗng ruột hoặc mục nát. Nhưng người vào mà không cầm que chùi thì không có tội. Không nên ném que chùi vào hố xí. Nên đứng trên dép đi vệ sinh để che đậy. Không nên ra ngoài quá vội vàng. Không nên vừa đi vừa tiểu. Nên đứng trên dép rửa chân rồi mới tiểu. Không nên rửa chân kêu chếp chếp. Không nên để thừa nước trong bát rửa chân. Điều này được nói liên quan đến nơi công cộng. Vì ở đó có nhiều người khác nhau đến, do đó không nên để thừa nước. Nhưng nơi được làm trong tu viện của Tăng chúng để đi lại cố định ở một khu vực hoặc nơi cá nhân thì được phép. Người uống thuốc xổ và phải vào ra nhiều lần cũng được phép. Nên đứng trên dép rửa chân để che đậy.

Sace vaccakuṭi uhatā hoti bahi vaccamakkhita, udakaṃ āharitvā dhovitabbā. Udakaṃ atthi, bhājanam natthi, asantaṃ nāma hoti. Bhājanam atthi, udakaṃ natthi, etampi asantaṃ . Ubhayasmiṃ asati asantameva, kaṭṭhena vā kenaci vā puñchitvā gantabbam. Sace avalekhanapiṭako pūrito hoti, avalekhanakaṭṭham chaḍḍetabbam. Sace kacavaram atthi, vaccakuṭi sammajjitabbā, paribhaṇḍam sammajjitabbam, parivenam sammajjitabbam, koṭṭhako sammajjitabbo. Sace ācamanakumbhiyā udakaṃ na hoti, ācamanakumbhiyā udakaṃ āsiñcitabbam.

Nếu nhà vệ sinh bị vấy bẩn phân bên ngoài, nên mang nước đến dội rửa. Có nước mà không có đồ đựng thì xem như không có. Có đồ đựng mà không có nước, cũng xem như không có. Khi cả hai đều không có thì xem như không có, nên dùng que hoặc vật gì đó lau chùi rồi đi. Nếu giỏ đựng que chùi đã đầy, nên đổ que chùi đi. Nếu có rác, nên quét dọn nhà vệ sinh, quét dọn đồ đạc, quét dọn khuôn viên, quét dọn kho. Nếu không có nước trong lu súc miệng, nên đổ nước vào lu súc miệng.

“Na, bhikkhave, vaccaṃ katvā sati udae nācametabbam, yo nācameyya, āpatti dukkaṭassā”ti (cūḷava. 373) vacaṇato udae sati udakakiccaṃ akarontassa āpatti. Sace udakaṃ atthi, paṭicchannaṭṭhānam pana natthi, bhājanena nīharitvā ācamitabbam. Bhājane asati pattena nīharitabbam, pattepi asati asantaṃ nāma hoti. “Idam ativataṃ, purato aññaṃ udakaṃ bhavissatī”ti gatassa udakaṃ alabhantasseva bhikkhācāravelā hoti, kaṭṭhena vā kenaci vā puñchitvā gantabbam, bhuñjitumpi anumoditumpi vaṭṭati. “Na, bhikkhave, vaccakuṭiyā yathāvuḍḍham vacco katabbo, yo kareyya, āpatti dukkaṭassa. Anujānāmi, bhikkhave, āgatapaṭipāṭiyā vaccaṃ kātu”nti (cūḷava. 373) vacaṇato vaccakuṭiṃ pavisantena āgatapaṭipāṭiyā pavisitabbam. Vaccakuṭiyam passāvaṭṭhāne nahānatittheti tīsupi āgatapaṭipāṭiyeva pamāṇam. Idam vaccakuṭivattaṃ.

Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, sau khi đi đại tiện, nếu có nước thì không được không rửa, ai không rửa, phạm tội Tác Ác” (cūḷava. 373), khi có nước mà không làm việc cần làm với nước thì phạm tội. Nếu có nước nhưng không có nơi kín đáo, nên dùng đồ đựng mang đi để rửa. Nếu không có đồ đựng, nên dùng bát mang đi. Nếu cũng không có bát, thì xem như không có. Nếu đi với ý nghĩ: “Chỗ này quá trống trải, phía trước sẽ có nước khác,” mà không tìm được nước và đã đến giờ đi khát thực, nên dùng que hoặc vật gì đó lau chùi rồi đi, được phép dùng bữa và cả tùy hỷ. Theo lời dạy: “Này các Tỳ-khưu, không được đi đại tiện trong nhà vệ sinh theo thứ tự tuổi hạ. Ai làm vậy, phạm tội Tác Ác. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đại tiện theo thứ tự người đến trước” (cūḷava. 373), người vào nhà vệ sinh nên vào theo thứ tự người đến trước. Ở nhà vệ sinh, nơi đi tiểu, và bến tắm, thứ tự người đến trước là tiêu chuẩn. Đây là phận sự tại nhà vệ sinh.

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Upajjhāyādivattavinicchayaṅgathā samattā.

Trong Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāḷi

Chấm dứt lời phân tích về các phạm sự đối với thầy tế độ v.v...